

Quý 1 - 2019

CẬP NHẬT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Hà Nội, Tháng 4/2019

NỘI DUNG

01 Tổng quan
VPBank

02 Điểm sáng
hoạt động
kinh doanh

03 Kết quả kinh
doanh Hợp
nhất
Quý 1 - 2019

04 Kết quả kinh
doanh của
FE Credit
Quý 1 - 2019

05 Kế hoạch 2019

01

Tổng quan

VPBank

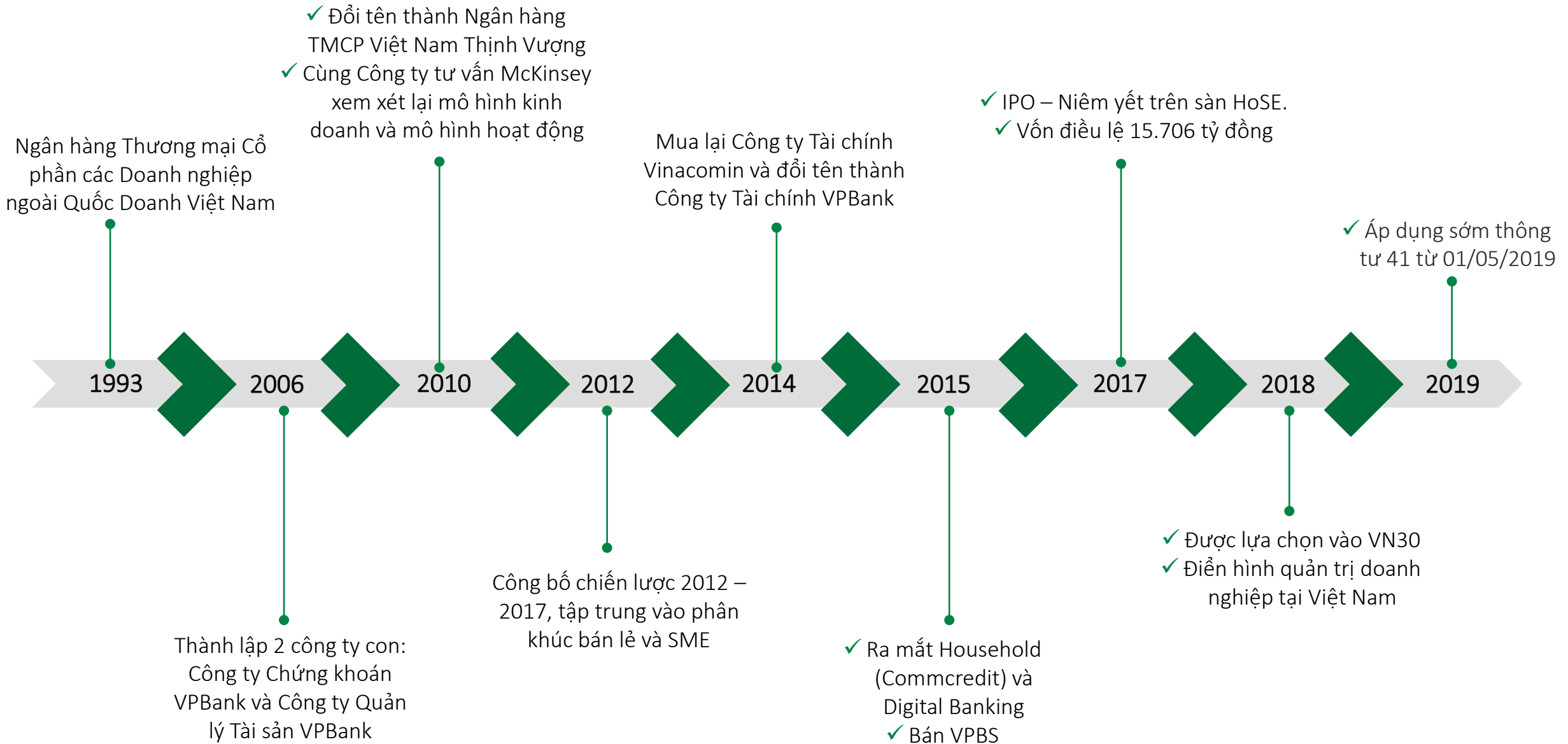
TỔNG QUAN VPBANK

Số liệu tại 31.03.2019



- ✓ Giữ mức **B1** đánh giá tín dụng cơ sở và **Ba3** xếp hạng rủi ro đối tác của Moody's
- ✓ Tổng tài sản hơn **322 nghìn tỷ**
- ✓ Gần **5.9 triệu** khách hàng hoạt động
- ✓ **7,963 tỷ** tổng thu nhập hoạt động và **1,783 tỷ** lợi nhuận trước thuế
- ✓ Hoạt động kinh doanh trên toàn bộ các phân khúc khách hàng
- ✓ Mô hình tổ chức tập trung và chuyên môn hóa cao
- ✓ Tiên phong trong số hóa và quản lý dữ liệu & an ninh thông tin
- ✓ Được phê duyệt áp dụng các tiêu chuẩn Basel II theo thông tư 41 từ 01/05/2019

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO KINH NGHIỆM

Ban Điều Hành

NGÂN HÀNG



Ông Sanjeev Nanavati

Phó Tổng Giám đốc thường trực,
Giám đốc Điều hành Cao cấp

Phụ trách tất cả các đơn vị kinh doanh bao gồm RB / SME / HHB / CMB / CIB / FM / FITB / DBS và các chức năng liên quan của SPM & Marcom



Ông Nguyễn Đức Vinh

Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT



Bà Lưu Thị Thảo

Phó Tổng Giám đốc thường trực,
Giám đốc Điều hành Cao cấp

Phụ trách các đơn vị hỗ trợ của VPBank bao gồm FIN/IT/OPS/RM/CM/HR/LC/BICC

CÔNG TY CON



Ông Kalidas Ghose

Giám đốc VPB FC



Ông Hoàng Anh Tuấn

Giám đốc VPB AMC

PHÂN KHÚC KINH DOANH

4 trụ cột phân khúc chiến lược

VPBANK



VPBank là thành viên Bạch Kim của VIOD

- VPBank được lựa chọn tham gia chương trình Bạch Kim của Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) trong năm 2019
- VIOD là một tổ chức độc lập được ra đời dưới sự hỗ trợ của HOSE, HNX, và IFC nhằm tăng cường sự hợp tác, nâng cao các chuẩn mực và trình độ quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam
- VPBank sẽ có cơ hội để được tham gia vào các chương trình quản trị tiên tiến, các Hội nghị quản trị công ty thường niên và các diễn đàn tăng cường hợp tác, chia sẻ dưới sự dẫn dắt của VIOD để nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp, chuyên môn và vai trò của các thành viên Hội Đồng quản trị



02

ĐIỂM SÁNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỔNG QUAN VĨ MÔ

THÔNG TIN MẠNG LƯỚI

HÀNH TRÌNH THỰC HIỆN TUÂN THỦ TT41

CẬP NHẬT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TỔNG QUAN VĨ MÔ

Một số quy định mới ban hành

Thủ tướng đã phê duyệt đề án “Tái cấu trúc thị trường chứng khoán” đến năm 2020 với tầm nhìn đến năm 2025. Một số mục tiêu chi tiết như sau:

- Quy mô thị trường tăng lên ngưỡng 100% GDP vào năm 2020 và 120% vào năm 2025 (hiện tại đang là 70% GDP), và thị trường trái phiếu đạt 47% GDP vào năm 2020 và 55% vào năm 2025 (hiện tại đang là 37% GDP);
- Số lượng các công ty niêm yết đến 2020 sẽ tăng 20% so với năm 2017;
- Số lượng nhà đầu tư đạt 3% dân số vào năm 2020 và 5% vào năm 2025;
- Nhiều sản phẩm mới sẽ được giới thiệu (hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng tương lai trái phiếu, hợp đồng tương lai index.... Nâng cấp thị trường trong nước lên thị trường mới nổi (hiện tại mới đang là Thị trường biên giới);
- Tất cả các ngân hàng phải được niêm yết và đăng ký giao dịch chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM muộn nhất đến cuối năm 2020.

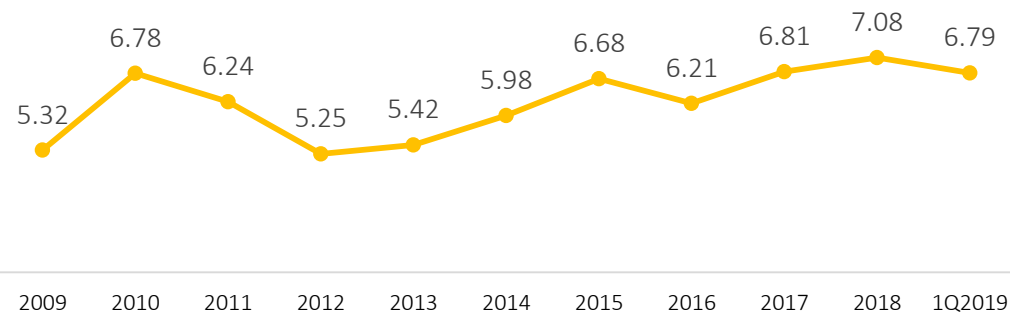
TT52/2018 của NHNN quy định về xếp hạng tổ chức tín dụng (TCTD), có hiệu lực từ ngày 1 /4/2019

- Xếp hạng TCTD được thực hiện ít nhất 1 lần/năm dựa trên các số liệu tài chính riêng lẻ và các thông tin định tính. Kết quả xếp hạng sẽ được Thống đốc NHNN phê duyệt trước ngày 30/6 hàng năm và thông báo cho các TCTD 15 ngày sau đó.
- Kết quả xếp hạng tín dụng là thông tin mật, Các TCTD không được cung cấp thông tin xếp hạng cho bên thứ ba dưới mọi hình thức.

Nguồn: Tổng cục Thống kê, NHNN

GDP

GDP trong quý 1/2019 tăng 6.79% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngành công nghiệp và xây dựng với mức đóng góp 51.2% - đóng góp nhiều nhất cho GDP năm nay, tiếp theo là tới các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy hải sản.



Tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng Q1.2019 là 2.28%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái. Lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay tiếp tục ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 6-9%/năm, trong khi cho vay trung dài hạn là 9-11%/năm.

Các yếu tố vĩ mô khác

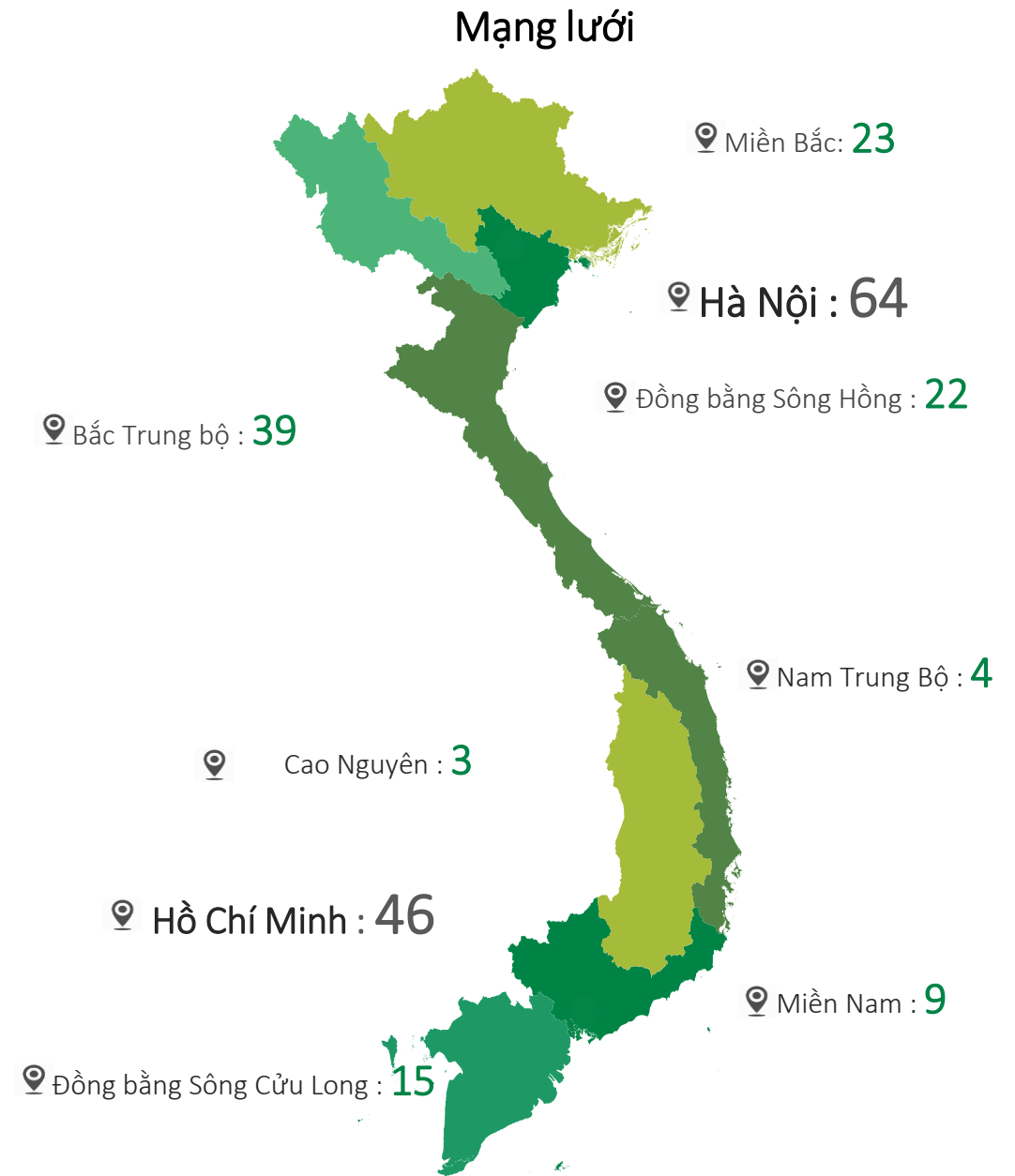
- **Chỉ số quản lý thu mua (PMI)** giảm xuống 51.2, tuy nhiên vẫn cao hơn ngưỡng 50 điểm, cho thấy sự lạc quan về triển vọng trong các năm tới và cũng như kỳ vọng về sự cải thiện nhu cầu đặt hàng trong ngắn hạn.
- **Vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký** tăng 57.8% so với năm ngoái, trong khi vốn đầu tư nước ngoài đã giải ngân tăng 9.8%. Các ngành công nghiệp thu hút nhiều vốn đầu tư nhất là sản xuất và bất động sản.
- **Chỉ số CPI Q1.2019** là 2.63%

THÔNG TIN MẠNG LƯỚI – CHI NHÁNH & CÁC ĐIỂM GIAO DỊCH

Chi nhánh & các điểm giao dịch

- Gần **27,500** nhân viên
- **225** chi nhánh and **84** trung tâm SME & hubs
- Gần **650** ATMs/CDMs

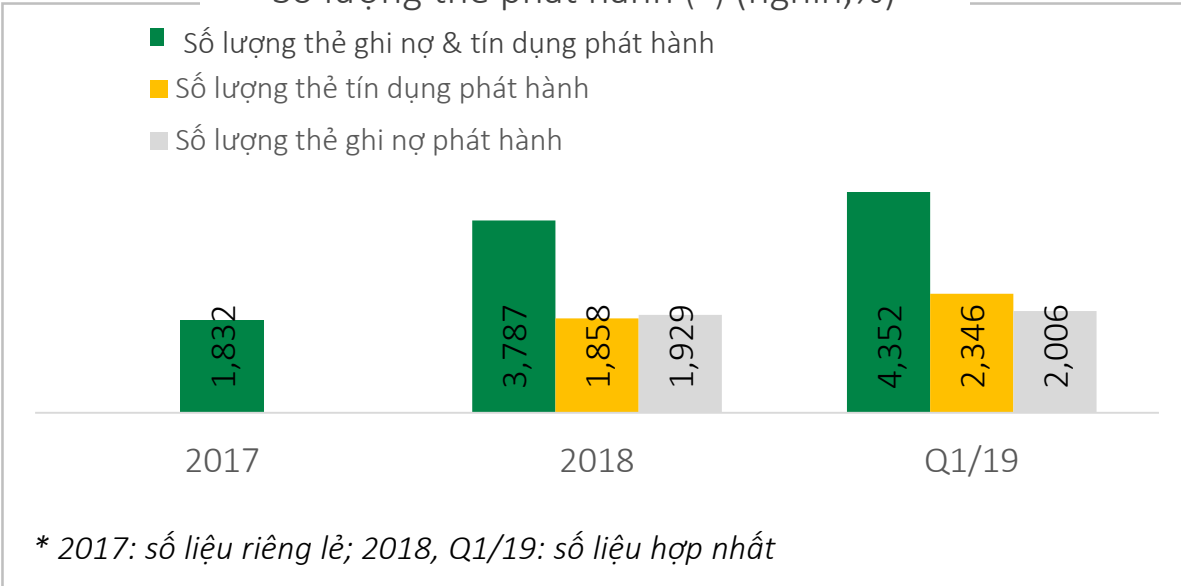
Các kênh	Địa điểm giao dịch tại 31.12.2018	Địa điểm giao dịch tại 31.03.2019
Chi nhánh bán lẻ	222	225
Trung tâm & hub SME	83	84
Trung tâm Household (Commcredit)	171	157
Chi nhánh Ngân hàng doanh nghiệp	4	4
FE Credit	>12,000 POS >34,000 POC	>12,200 POS >34,000 POC
ATM/CDM/Timo CDM	480/154	482/154



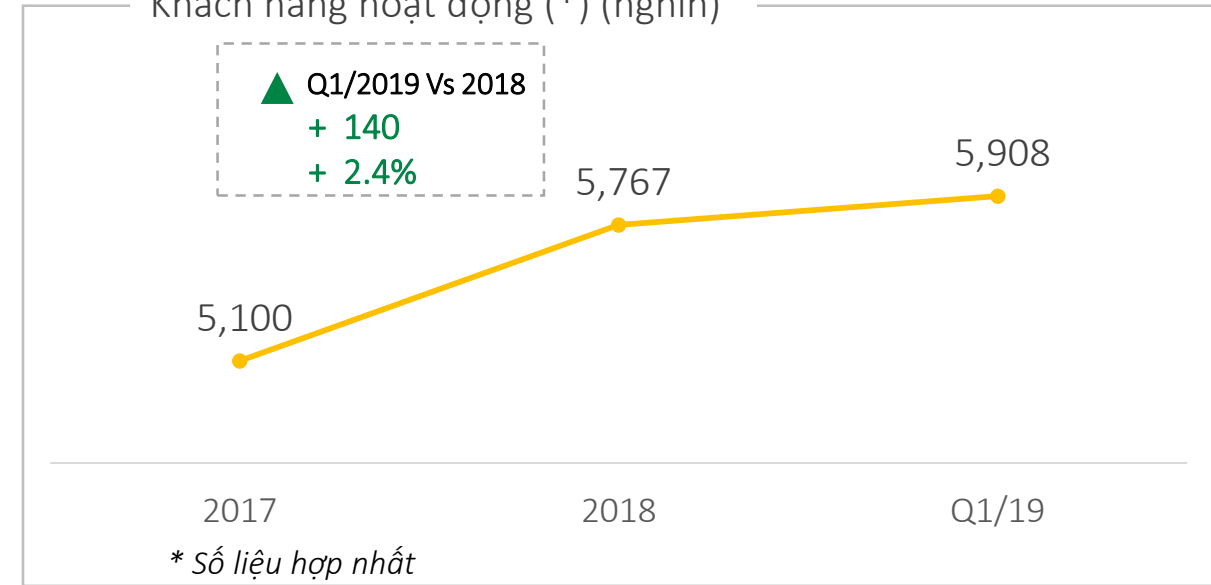
THÔNG TIN MẠNG LƯỚI – NỀN TẢNG KHÁCH HÀNG

Số lượng thẻ phát hành (*) (nghìn,%)

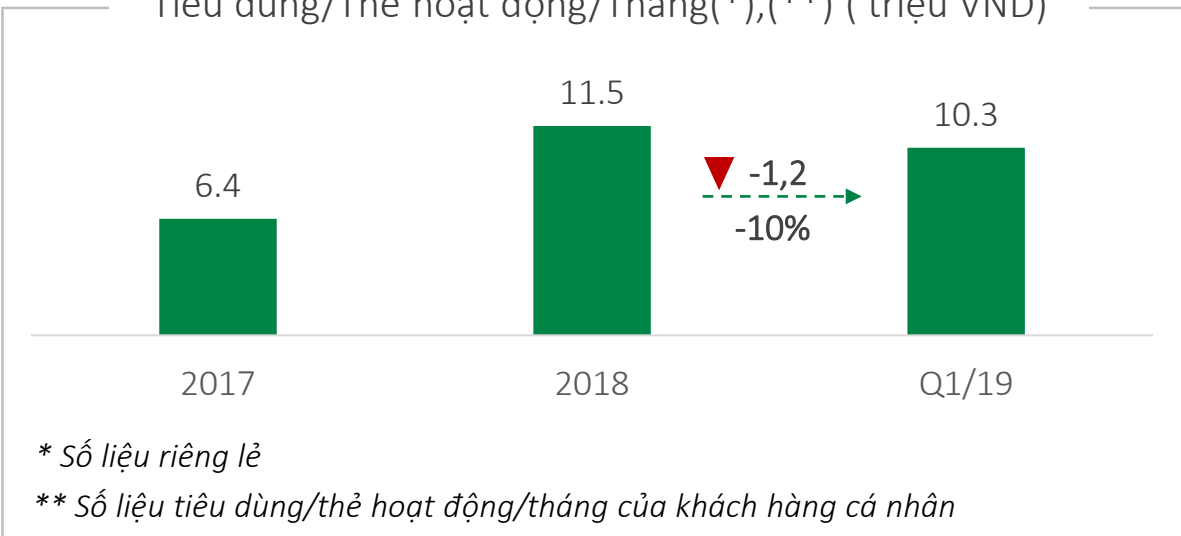
- Số lượng thẻ ghi nợ & tín dụng phát hành
- Số lượng thẻ tín dụng phát hành
- Số lượng thẻ ghi nợ phát hành



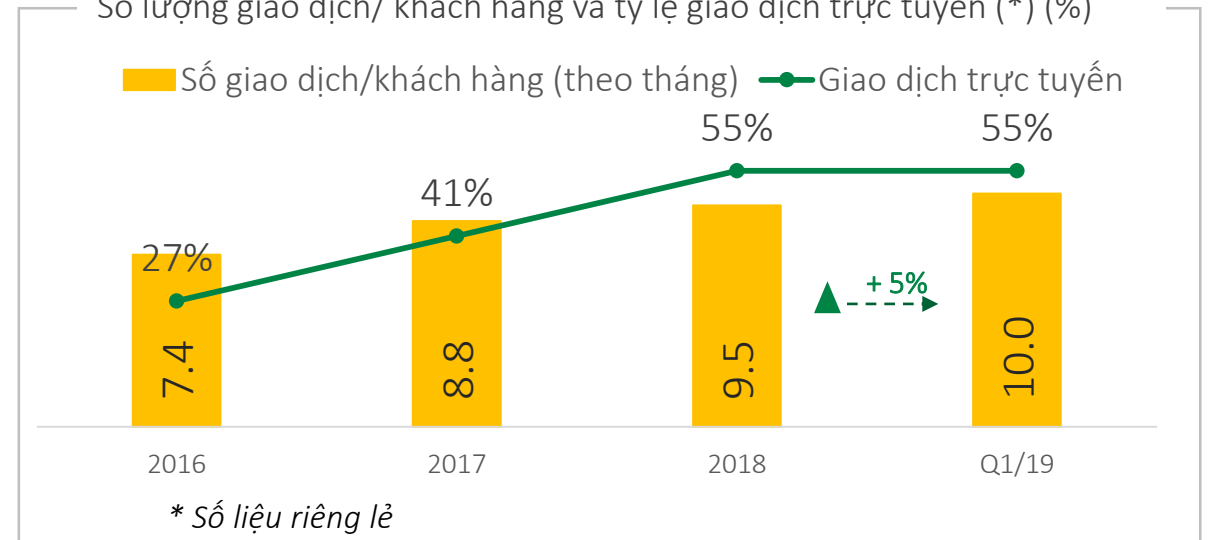
Khách hàng hoạt động (*) (nghìn)



Tiêu dùng/Thẻ hoạt động/Tháng(*),(**) (triệu VND)



Số lượng giao dịch/ khách hàng và tỷ lệ giao dịch trực tuyến (*) (%)



HÀNH TRÌNH THỰC HIỆN TUÂN THỦ TT41 – DÒNG THỜI GIAN

- 2015**
- Thành lập**
- Kế hoạch tổng thể tuân thủ TT41 được trình lên NHNN;
- 2016**
- Ổn định quy trình hoạt động**
- Xây dựng giải pháp tính toán, thực hiện báo cáo CAR hàng tháng;
 - Thiết lập tiêu chí kiểm tra chất lượng dữ liệu;
 - Triển khai thực hiện ICAAP;
 - Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo với đơn vị kinh doanh để nâng cao nhận thức và hiểu biết về định lượng rủi ro.
- 2017**
- Đẩy nhanh tiến độ**
- Đưa hệ số CAR vào các quyết định kinh doanh;
 - Việc cải thiện chất lượng dữ liệu rủi ro trở thành quy trình thường nhật;
 - Yêu cầu về Pillar 1 đã được hoàn thành;
 - Khung quản trị rủi ro được cải tiến đáng kể theo yêu cầu của Pillar 2.
- 2018**
- Tuân thủ đầy đủ**
- Thực hiện kiểm toán việc tính toán hệ số CAR;
 - Công bố hệ số CAR/RWA và các chỉ số liên quan khác;
 - Triển khai ICAAP đã đến giai đoạn hoàn thành
- 2019**
- NHNN chấp thuận**
- Vào ngày 17/4/2019, NHNN đã chấp thuận cho VPBank được áp dụng sớm việc tuân thủ theo TT41 kể từ ngày 1/5/2019.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



HÀNH TRÌNH THỰC HIỆN TUÂN THỦ TT41 – THAY ĐỔI CỦA NGÂN HÀNG

Với sự đồng thuận từ Ban lãnh đạo cấp cao rằng việc tuân thủ TT41 không chỉ đơn thuần là việc thực hiện tuân thủ mà là một chiến lược chuyển đổi, nhiều tác động tích cực được đưa vào hoạt động của Ngân hàng

Thận trọng trong quá trình đưa ra quyết định với các thông tin rủi ro

HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH

QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG

Ban lãnh đạo được cập nhật về tác động của các hoạt động kinh doanh và chiến lược của ngân hàng liên quan đến rủi ro.

Kiến thức quản trị rủi ro được phổ biến rộng rãi toàn ngân hàng

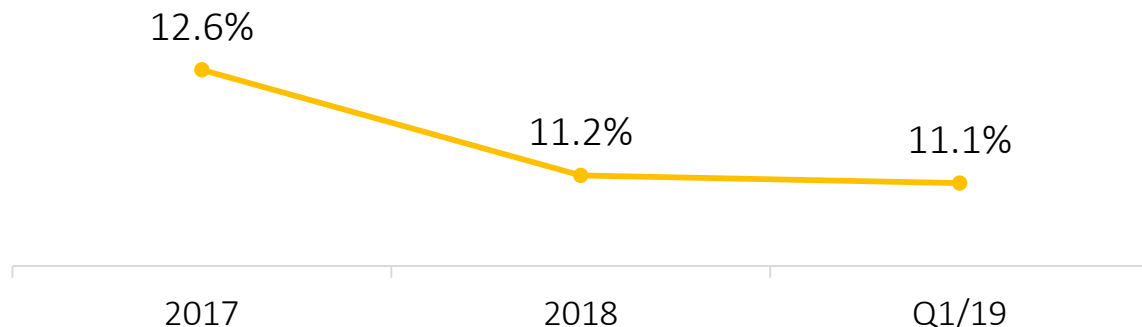
VĂN HÓA
QUẢN TRỊ
RỦI RO

QUẢN TRỊ
RỦI RO
CHUYÊN NGHIỆP

Năng lực quản trị rủi ro được xây dựng và duy trì trong toàn ngân hàng

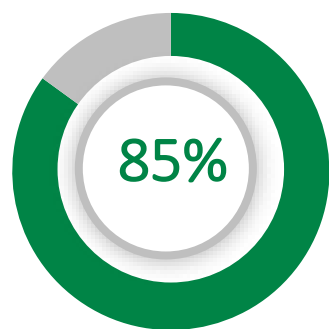
Trụ cột 1: Chỉ số CAR hợp nhất is luôn cao hơn nhiều so với mức quy định 8%

__theo TT 41__



Trụ cột 2: ICAAP – Một phần trong TT13/2018

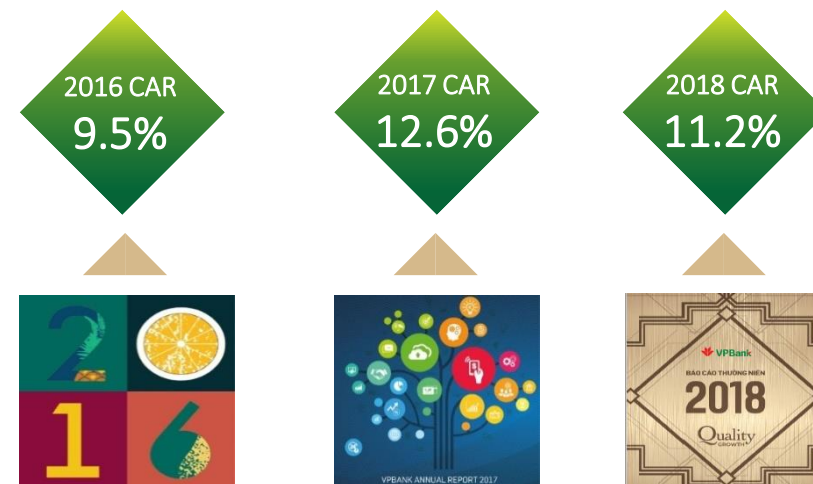
Các quy định về việc quản trị rủi ro trọng yếu theo các yêu cầu của TT13 đã được ban hành. Các yêu cầu của ICAAP theo Chương V của TT13 dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2019.



- Đã hoàn thành Quản trị rủi ro trọng yếu
- Hoàn thành 1 phần Yêu cầu của ICAAP


Trụ cột 3: Yêu cầu về Công bố thông tin

VPBank đã công bố thông tin về hệ số CAR theo yêu cầu của NHNN thông qua nhiều kênh thông tin.



KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN – THỊ PHẦN THẺ TÍN DỤNG

Dẫn đầu về hiệu suất thẻ tín dụng

	Chỉ tiêu	31.12.2017	31.12.2018	Tăng trưởng
	Thẻ đang lưu hành (nghìn)	296	416	40.7%
	GDV (triệu USD)	829	1,548	86.8%
THỊ TRƯỜNG	Thẻ đang lưu hành (nghìn)	3,349	4,014	19.8%
	GDV (triệu USD)	5,679	8,595	51.3%
THỊ PHẦN THẺ CỦA VPBANK TẠI VIỆT NAM	Thẻ đang lưu hành (nghìn)	10.1%	10.4%	
	GDV (triệu USD)	14.6%	18.0%	

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN – NGÂN HÀNG ƯU TIÊN (AF)

1Q2019, một khởi đầu đầy hứa hẹn

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Trong Q1.2019, VPBank Diamond tích cực thu hút khách hàng với số lượng khách hàng ưu tiên mới tăng 190% so với cùng kỳ năm trước. AF tiếp tục là hoạt động kinh doanh cốt lõi của VPBank, đóng góp 87% vào LNTT của Khối Khách hàng cá nhân trong quý 1. Bên cạnh đó, chỉ số CIR được quản lý tốt, giảm từ 19.4% cuối năm 2018 xuống còn 18% tại cuối tháng 3/ 2019.

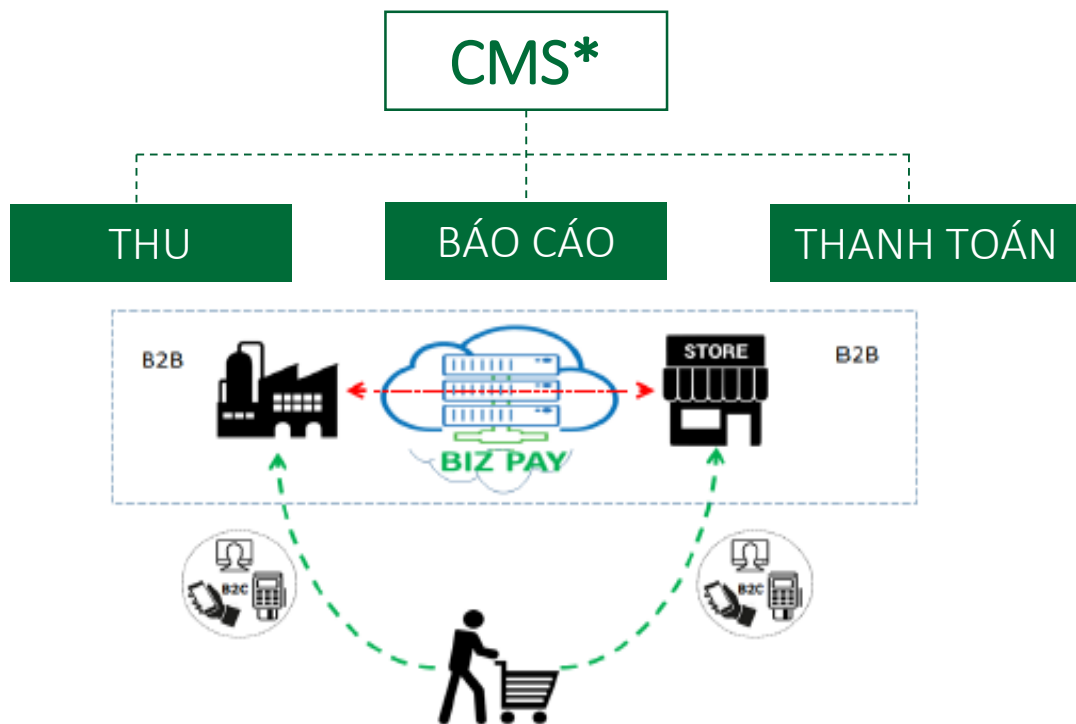
THƯƠNG HIỆU VÀ DỊCH VỤ

- Thương hiệu DIAMOND là một trong những thương hiệu cạnh tranh nhất tại Việt Nam, mang đến cho khách hàng nhiều sản phẩm quản lý tài sản để giúp họ đạt được các mục tiêu ngắn và dài hạn, áp dụng mức lãi suất ưu đãi cho huy động và cho vay, thẻ tín dụng quốc tế, dịch vụ theo dõi nhanh, các giải pháp được thiết kế phù hợp và nhiều dịch vụ và đặc quyền khác như phòng chờ sân bay độc quyền.
- Qua các phương pháp quản lý bán hàng khác nhau bao gồm huấn luyện liên tục, năng suất và hiệu quả của các RM trong việc thúc đẩy bán các sản phẩm quản lý tài sản và bảo hiểm tiếp tục tăng đáng kể qua các tháng.

MÔ HÌNH BÁN HÀNG HIỆU QUẢ

- Đẩy mạnh mô hình bán hàng và phân phối, các chi nhánh ở các cấp khác nhau được nhận hỗ trợ khác nhau.
- Chỉ số hài lòng của khách hàng (NPS) được duy trì ở mức 90% trong Q1.2019, trong khi đó, tỷ lệ khách hàng không sử dụng dịch vụ được giữ nguyên theo kế hoạch (2.8%/tháng). Điều đó đã cho thấy sự tin tưởng của khách hàng với thương hiệu VPBank DIAMOND.

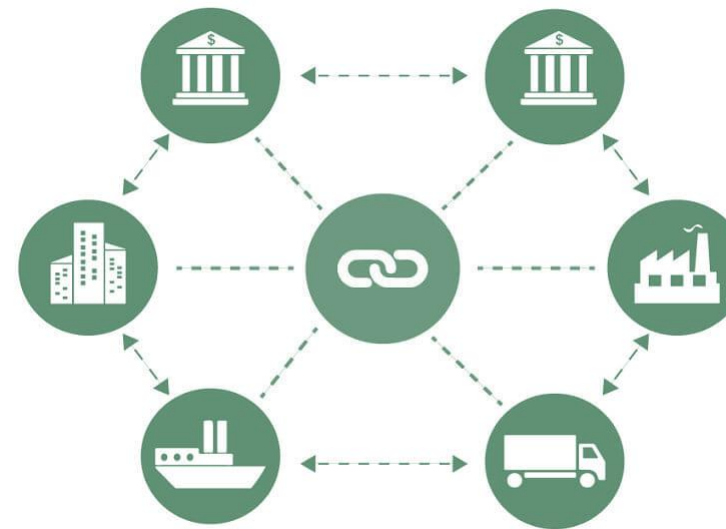




- ✓ Triển khai nền tảng BizPay để phát triển thanh toán thương mại
- ✓ Triển khai cổng dịch vụ thanh toán để thúc đẩy thương mại điện tử
- ✓ Tăng khối lượng phát hành thẻ VPBiz card
- ✓ Hợp tác với các bên hỗ trợ thanh toán để mở rộng cơ sở giao dịch

*Dịch vụ quản lý tiền mặt

TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI



- ✓ Đơn giản hóa quy trình để cải thiện trải nghiệm cho khách hàng
- ✓ Tập trung vào lĩnh vực phí : thanh toán xuất nhập khẩu, bảo lãnh & quản lý tiền mặt (bao gồm Thẻ & POS)
- ✓ Tiếp tục nâng cao kiến thức thương mại trong nội bộ và bán chéo

HÀNH TRÌNH SỐ HÓA

Tiếp tục triển khai những sáng kiến quan trọng

Thẻ tín dụng

Đóng góp cho tổng số thẻ KHCN **42%**

Số lượng thẻ phát hành ***3.4x**

UPL

Đóng góp vào tổng số UPL đã giải ngân **21%**

Hợp đồng giải ngân ***6.2x**

Khối lượng giải ngân ***4.1x**

Thấu chi

Online accounts ***1.6x**

Dream CASA & TD

Accumulated Dream users ***3.5x**



**tăng trưởng so với quý trước*

Nguồn : dữ liệu tại ngày 31.03.2019

03

KẾT QUẢ KINH DOANH Q1.2019

Q1.2019 – CÁC CHỈ SỐ CHÍNH

Bảng cân đối	31/03/2019	31/12/2018	Tăng trưởng
Cấp tín dụng	246,383	230,790	6.8%
Tổng tài sản	322,080	323,308	-0.4%
Huy động từ khách hàng (Bao gồm giấy tờ có giá)	234,979	219,509	7.0%
CAR theo thông tư 36	13.0%	12.3%	
CAR theo Basel II	11.1%	11.2%	

Tổng thu nhập hoạt động

Q1/19	7,963		
Q1/18	7,636	Tăng trưởng	4.3%
Q1/18*	6,780	Tăng trưởng	17.5%

Lợi nhuận trước thuế

Q1/19	1,783		
Q1/18	2,619	Tăng trưởng	-31.9%
Q1/18*	1,763	Tăng trưởng	1.1%

CIR

37.4%

ROE

Hợp nhất
16.0%

Riêng lẻ**
14.2%

ROA

1.8%

NIM

9.2%

Đơn vị: Tỷ VND

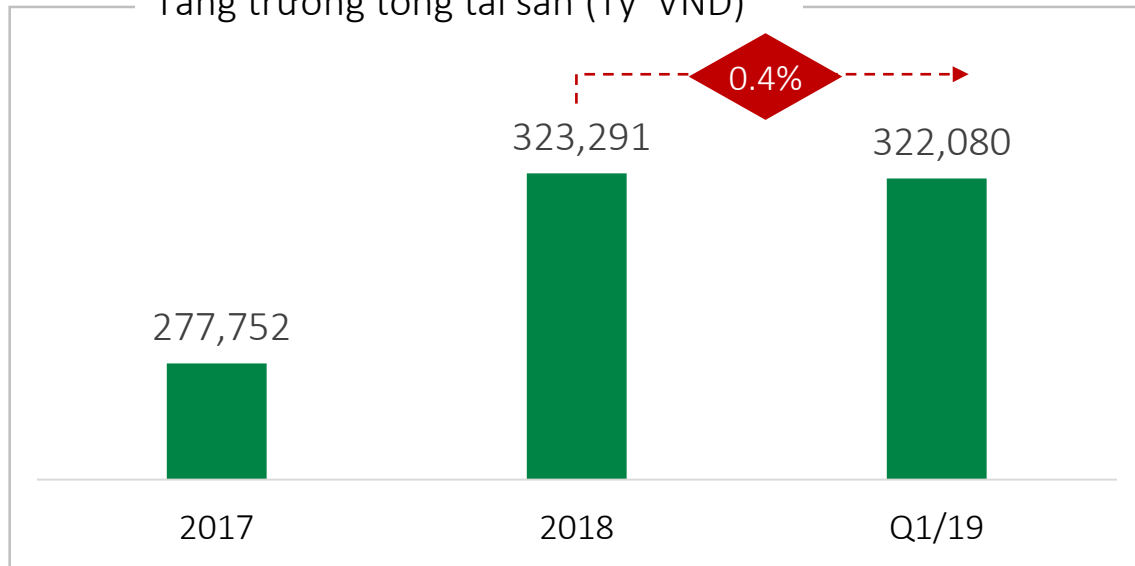
Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất chưa kiểm toán tại 31.03.2019

* Loại trừ thu nhập bất thường

** Loại trừ thu nhập bất thường, thu nhập từ các công ty con và đầu tư cho các công ty con

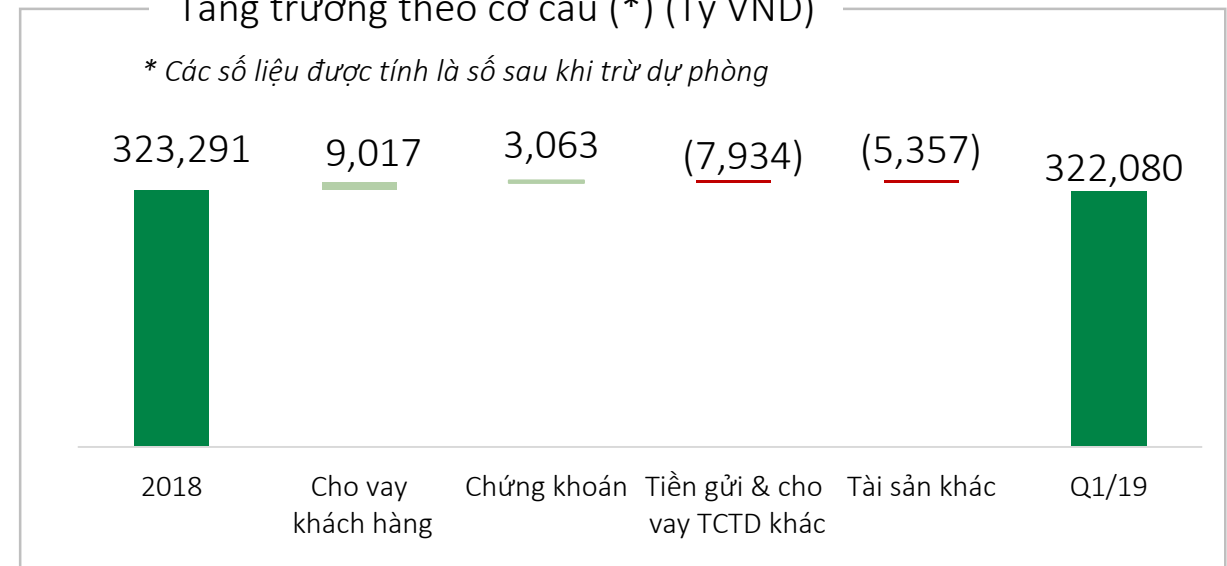
TỔNG TÀI SẢN

Tăng trưởng tổng tài sản (Tỷ VND)



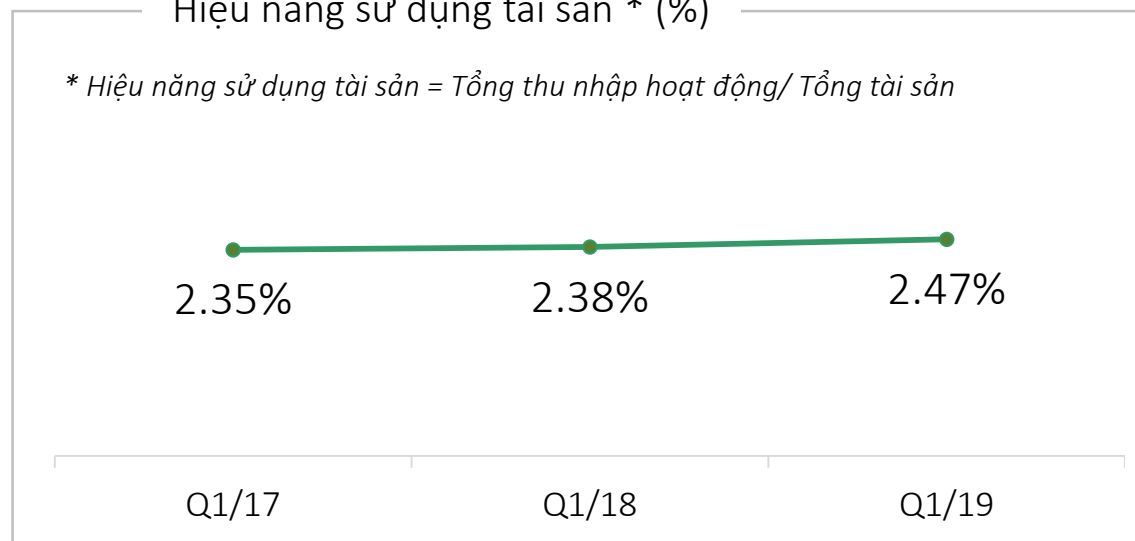
Tăng trưởng theo cơ cấu (*) (Tỷ VND)

* Các số liệu được tính là số sau khi trừ dự phòng

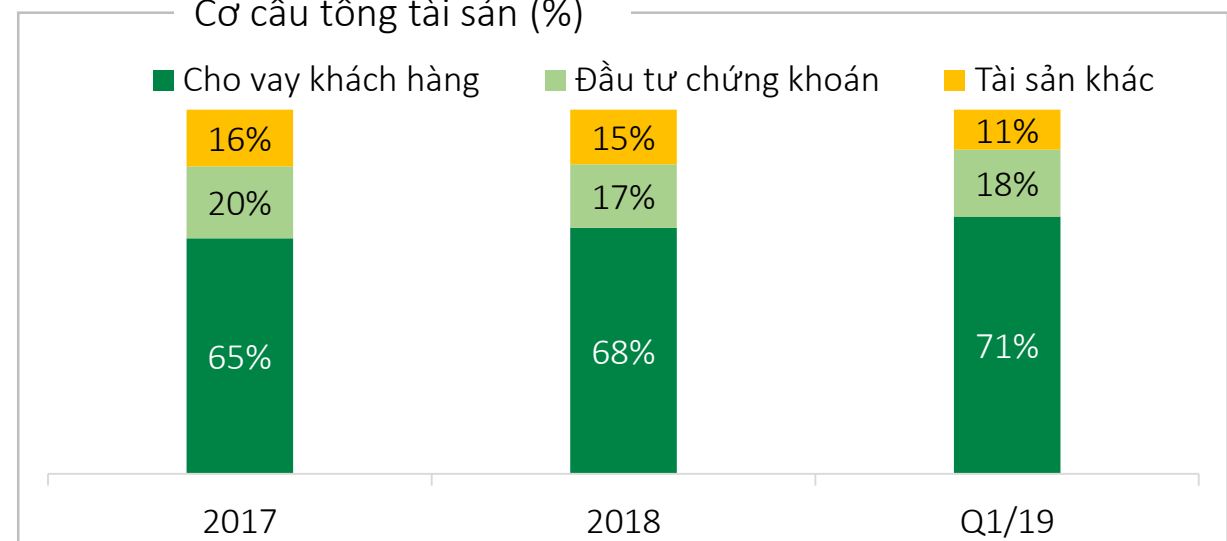


Hiệu năng sử dụng tài sản * (%)

* Hiệu năng sử dụng tài sản = Tổng thu nhập hoạt động / Tổng tài sản

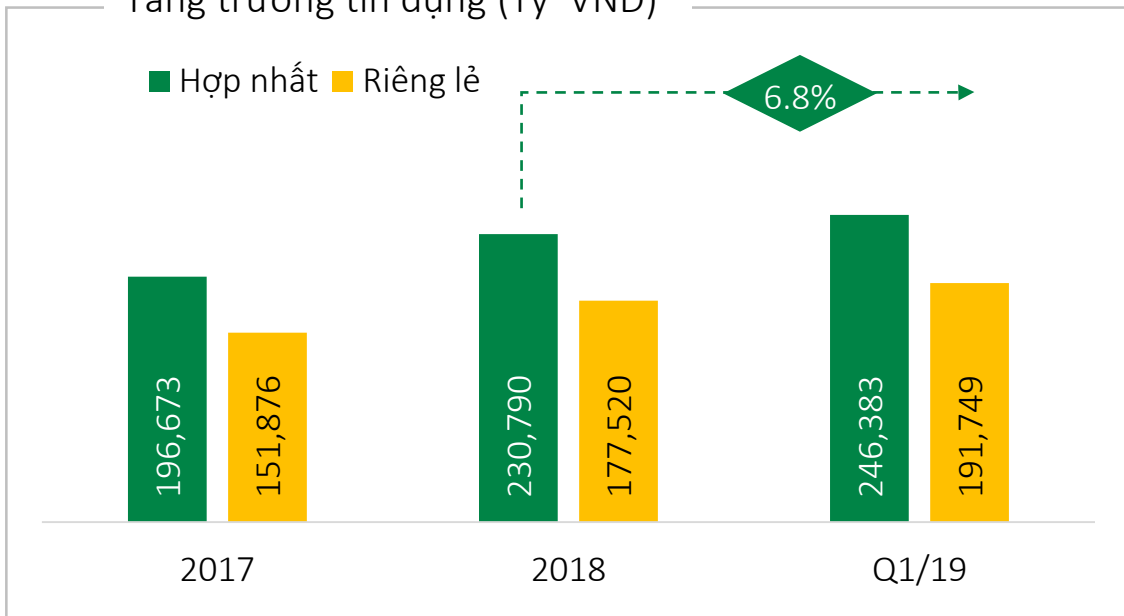


Cơ cấu tổng tài sản (%)

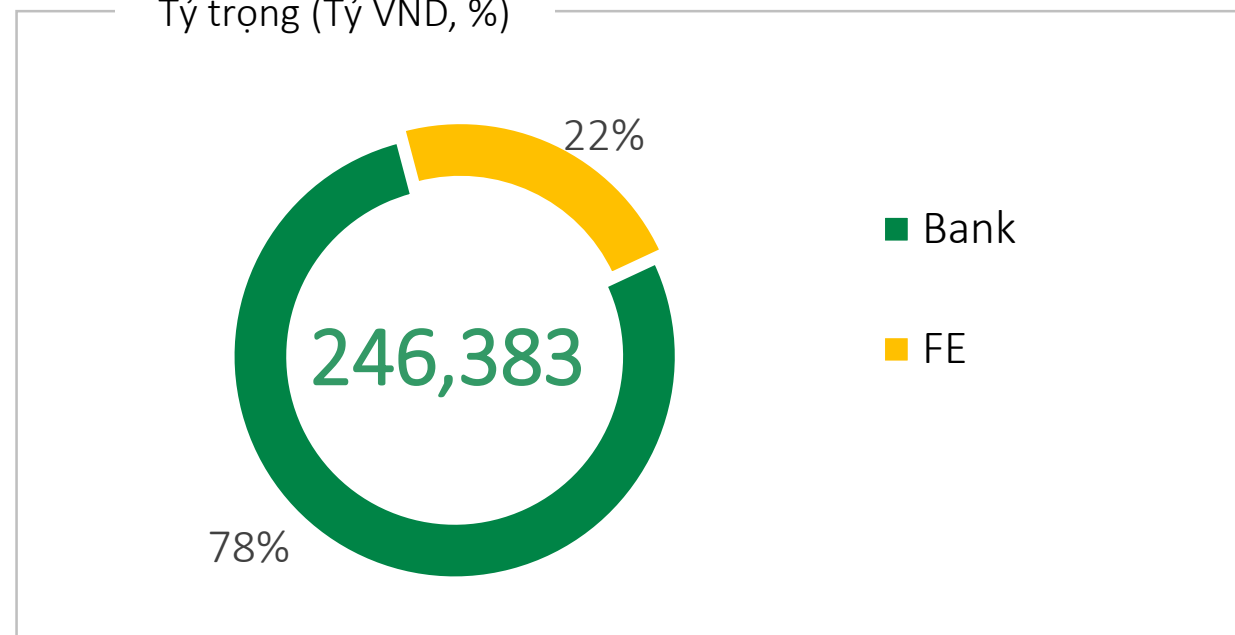


DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG (*)

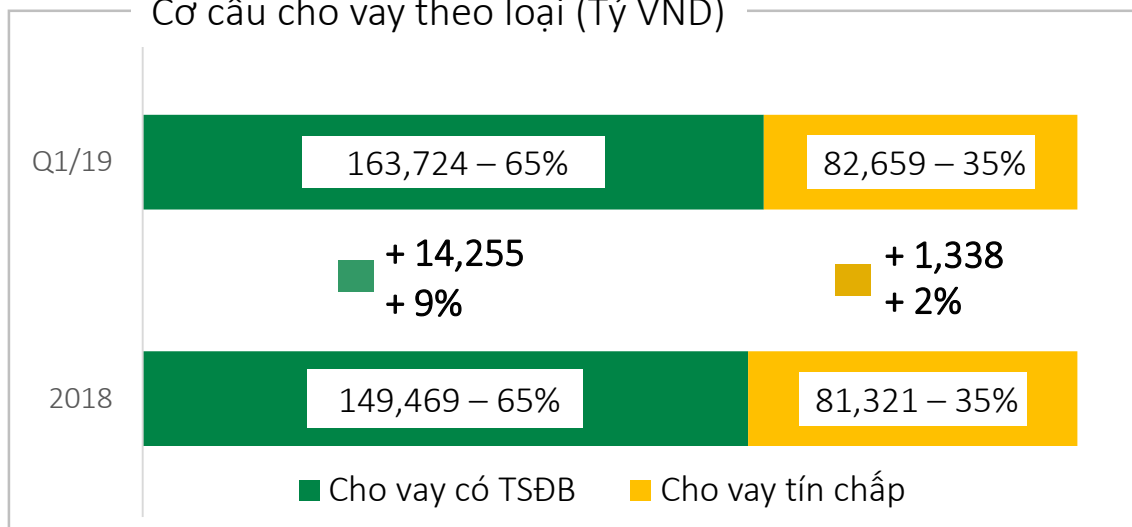
Tăng trưởng tín dụng (Tỷ VND)



Tỷ trọng (Tỷ VND, %)

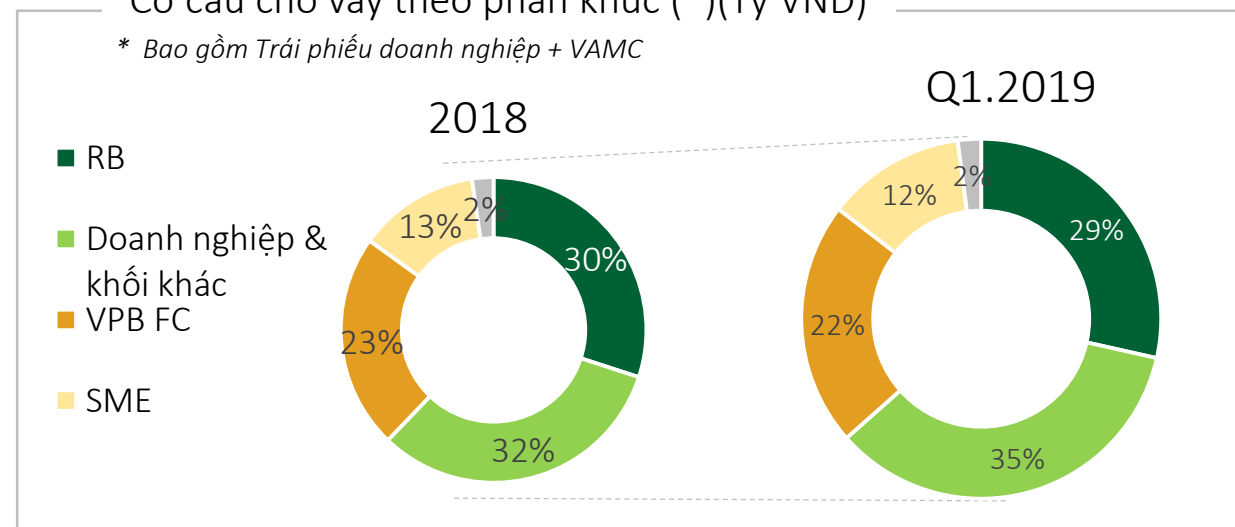


Cơ cấu cho vay theo loại (Tỷ VND)



Cơ cấu cho vay theo phân khúc (*) (Tỷ VND)

* Bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp + VAMC

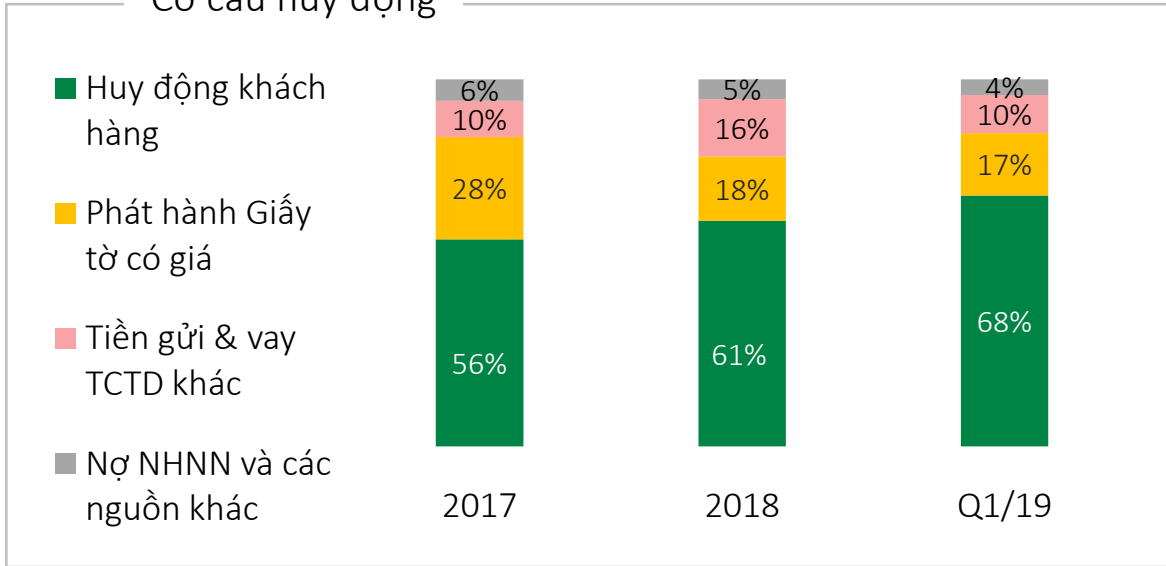


* Bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp

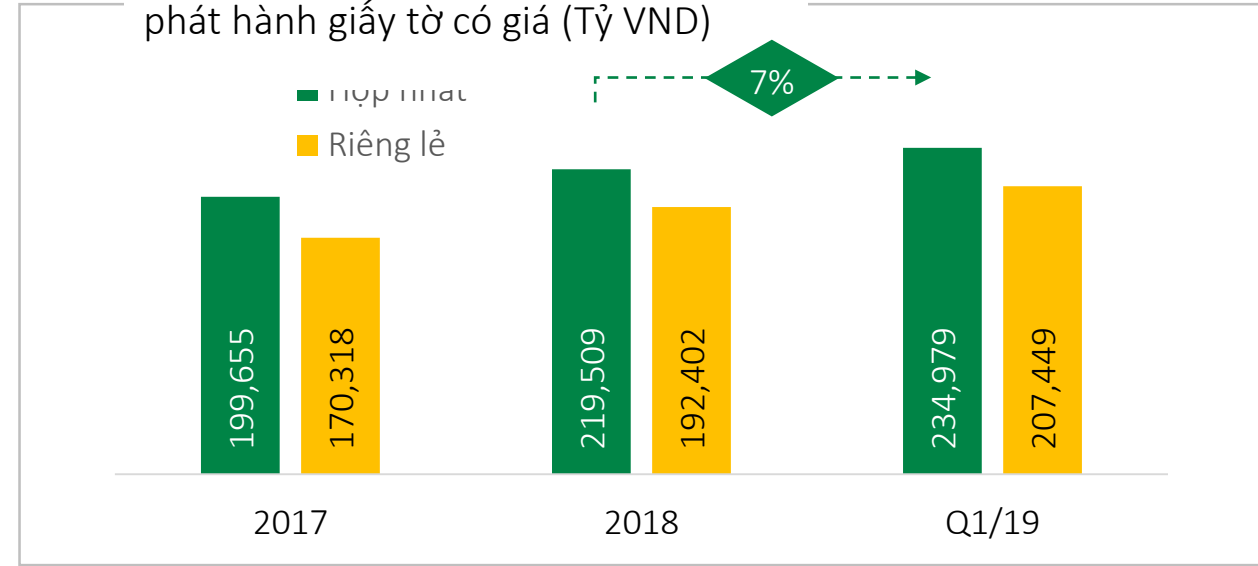
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ chưa kiểm toán tại 31.03.2019

CƠ CẤU NGUỒN HUY ĐỘNG

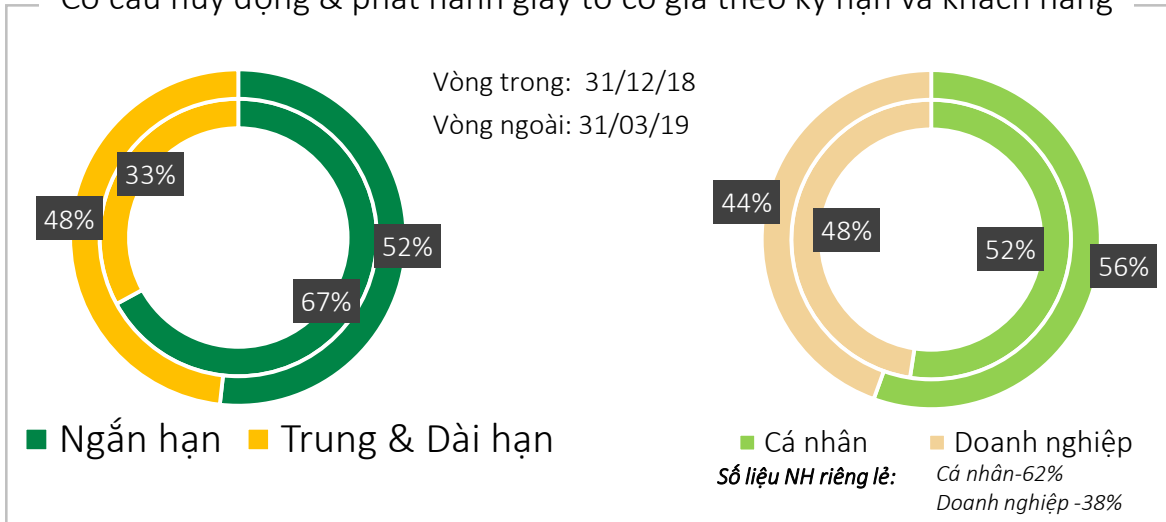
Cơ cấu huy động



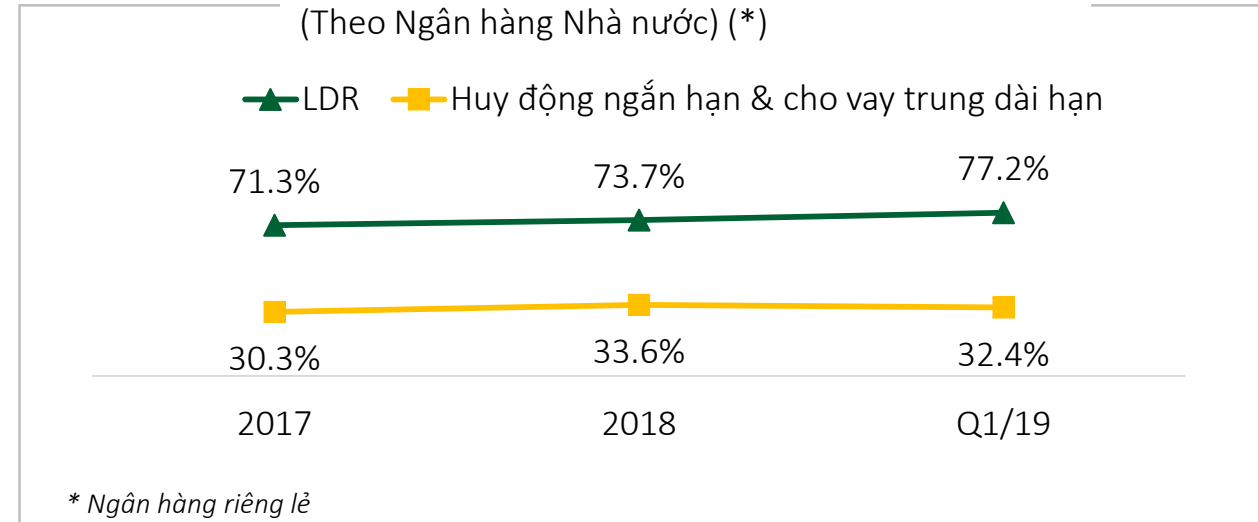
Tăng trưởng huy động khách hàng & phát hành giấy tờ có giá (Tỷ VND)



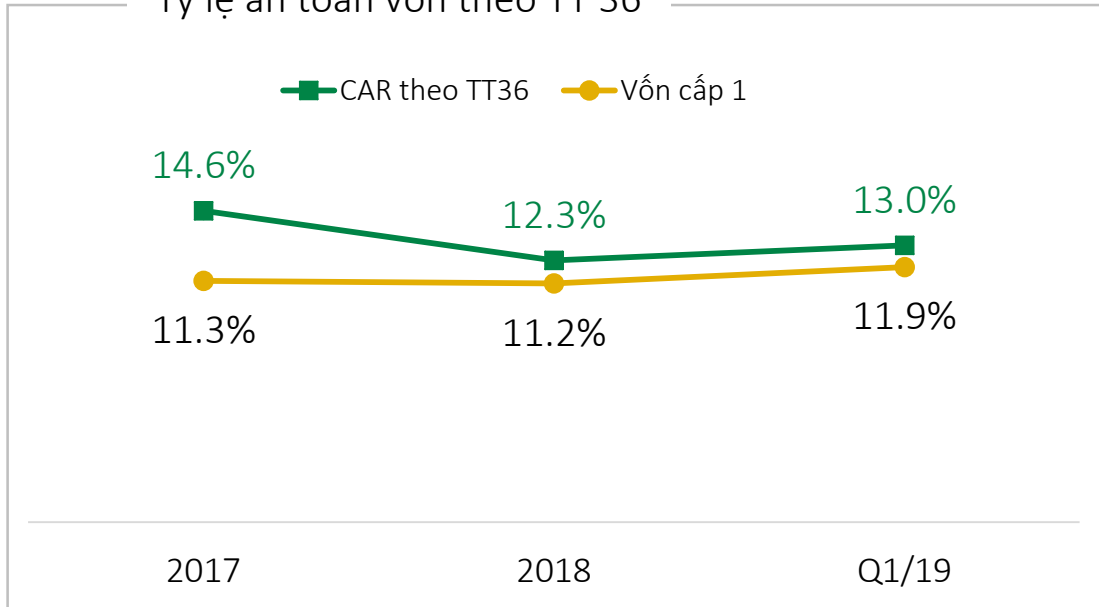
Cơ cấu huy động & phát hành giấy tờ có giá theo kỳ hạn và khách hàng



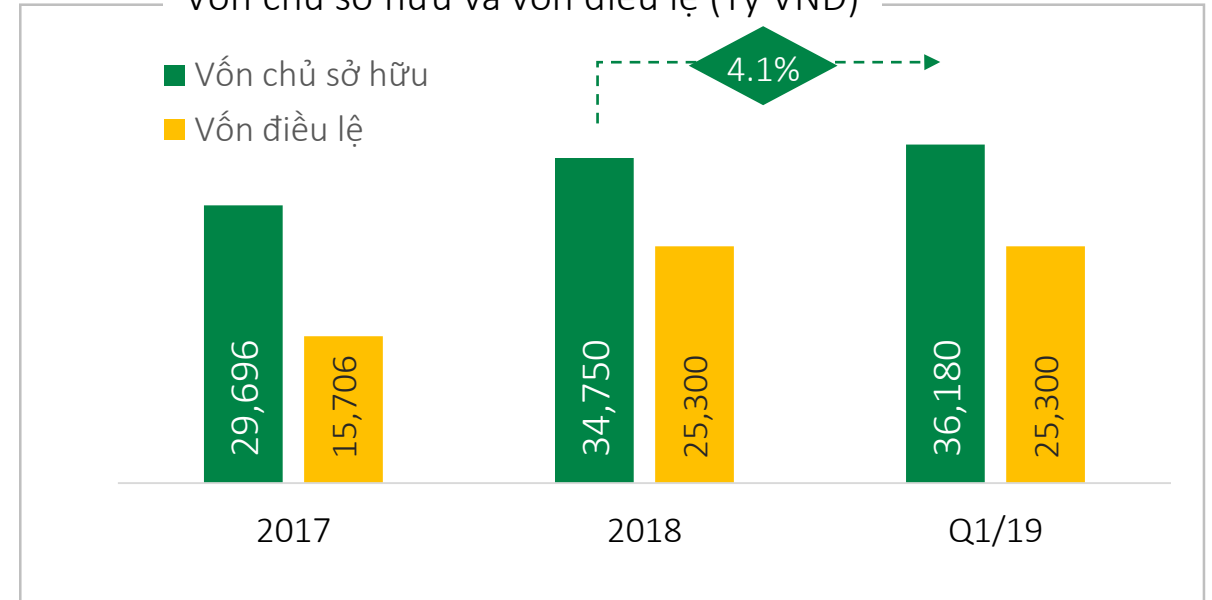
LDR & Huy động ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (Theo Ngân hàng Nhà nước) (*)



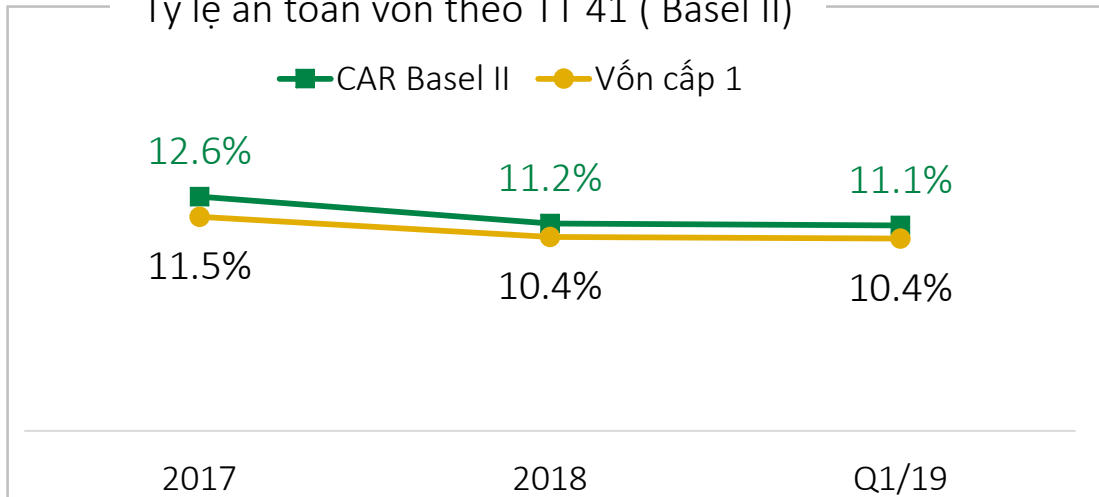
Tỷ lệ an toàn vốn theo TT 36



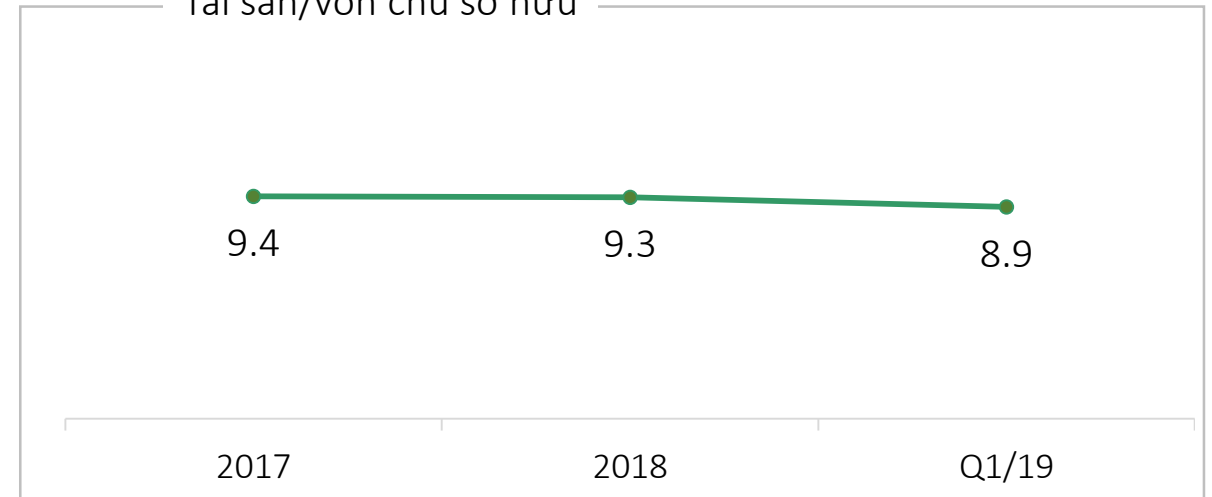
Vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ (Tỷ VND)



Tỷ lệ an toàn vốn theo TT 41 (Basel II)

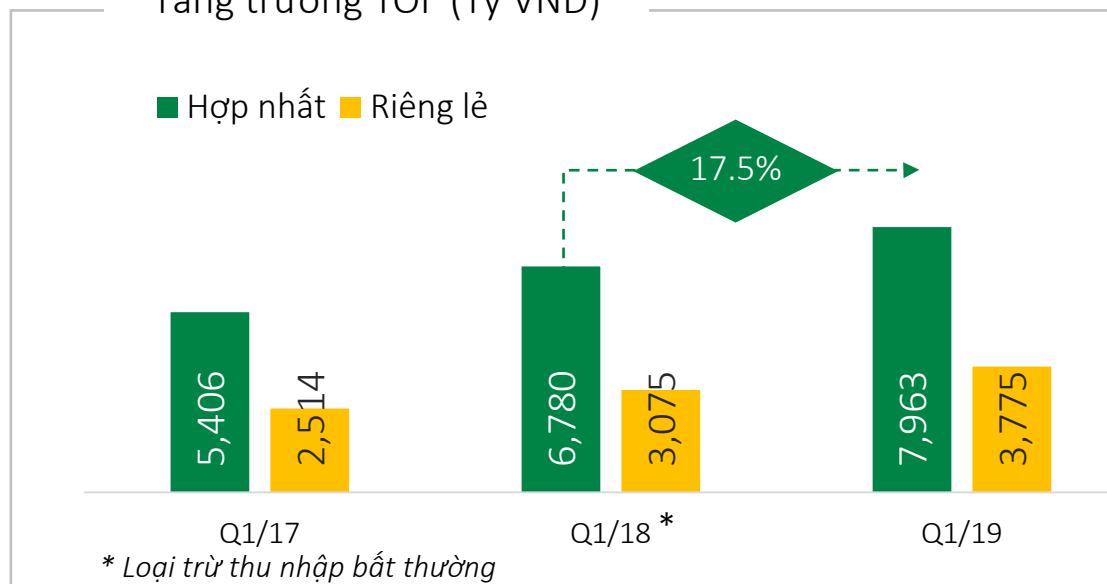


Tài sản/vốn chủ sở hữu

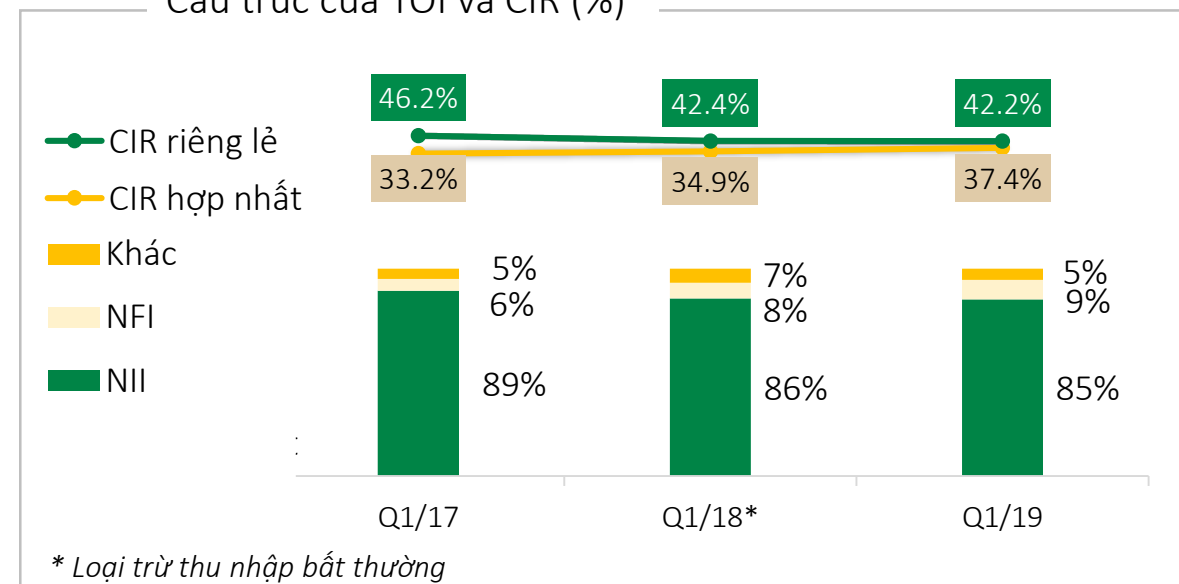


TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG (TOI)

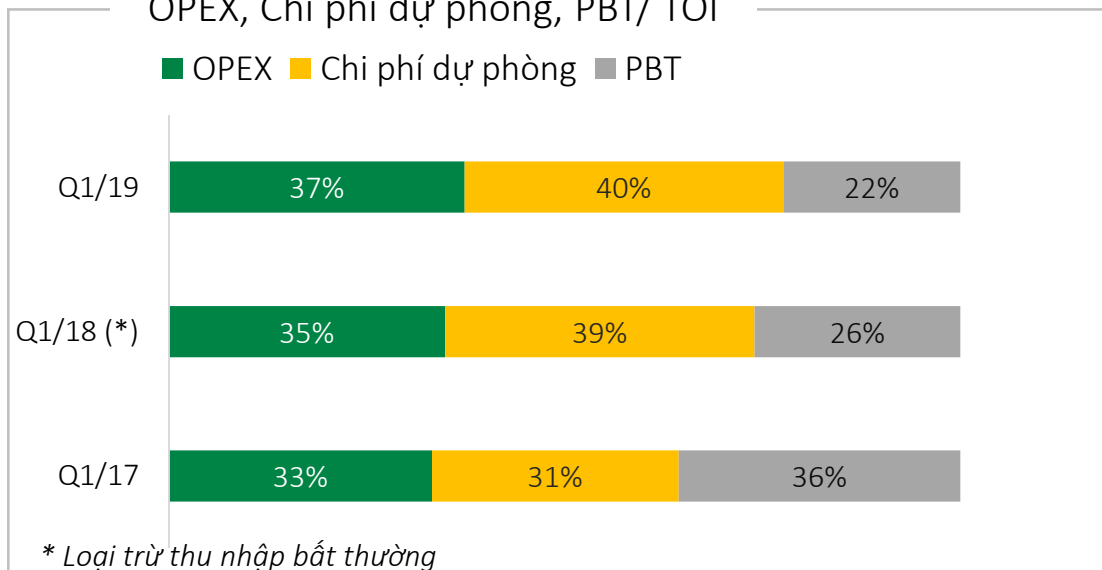
Tăng trưởng TOI (Tỷ VND)



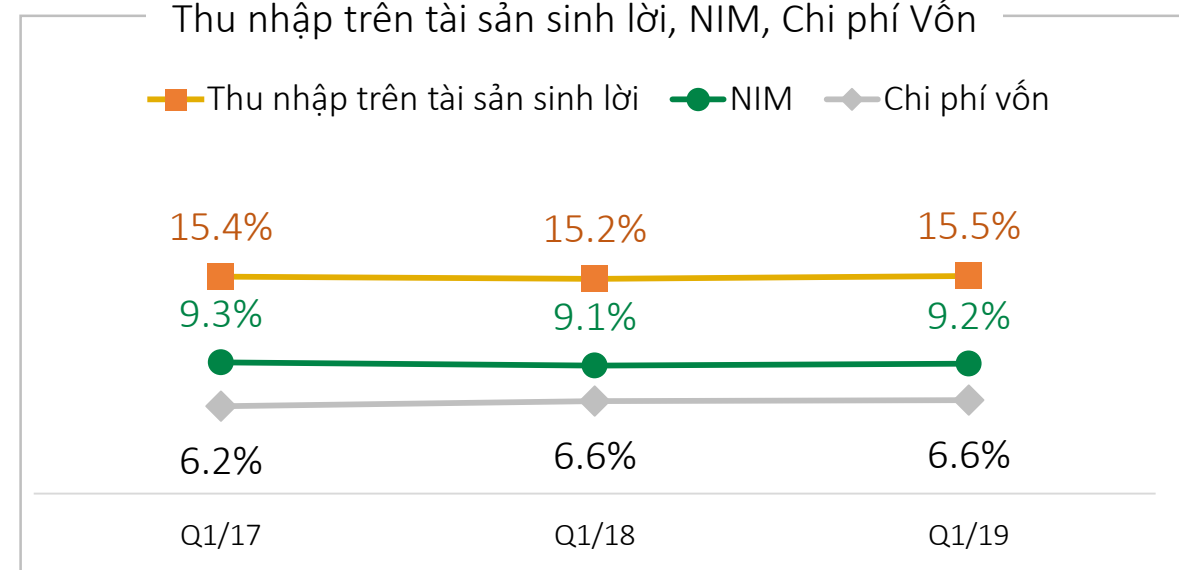
Cấu trúc của TOI và CIR (%)



OPEX, Chi phí dự phòng, PBT/ TOI

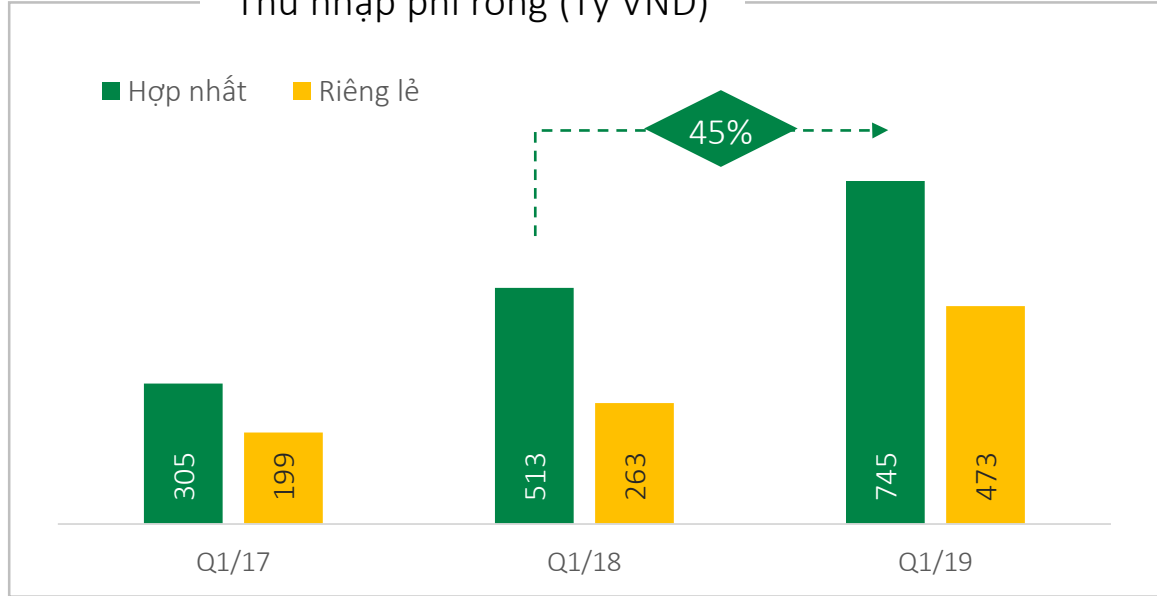


Thu nhập trên tài sản sinh lời, NIM, Chi phí Vốn

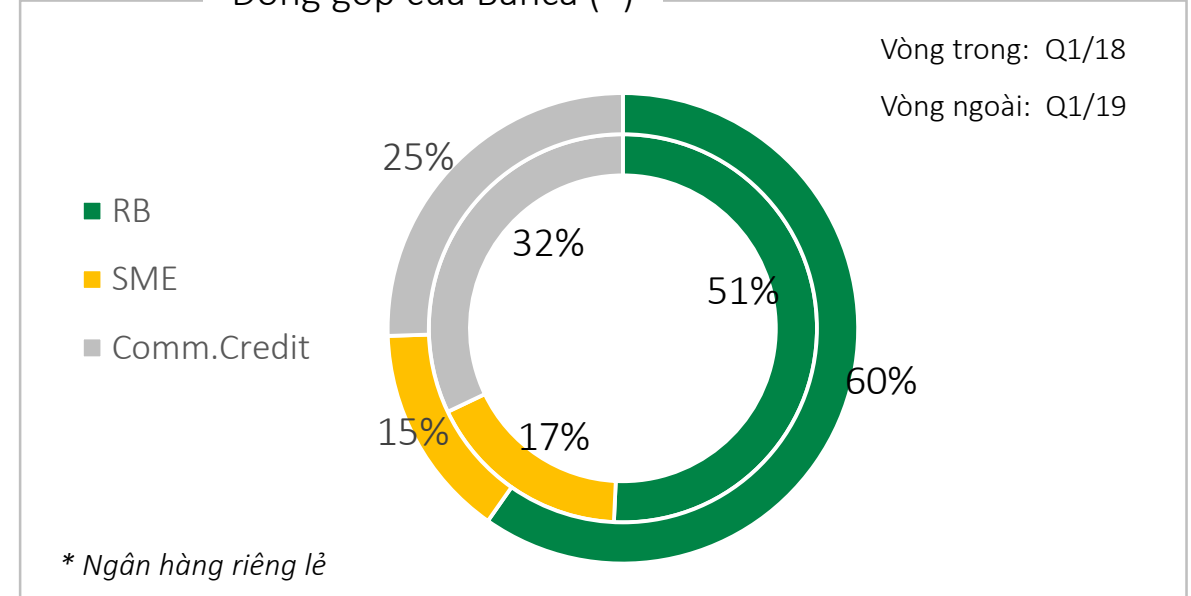


THU NHẬP PHÍ

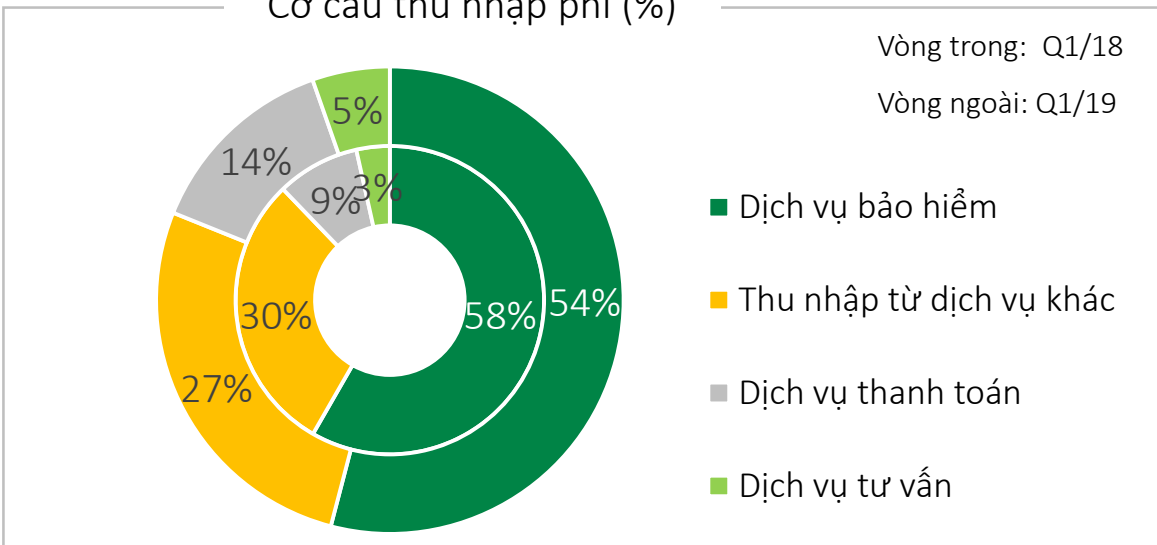
Thu nhập phí ròng (Tỷ VND)



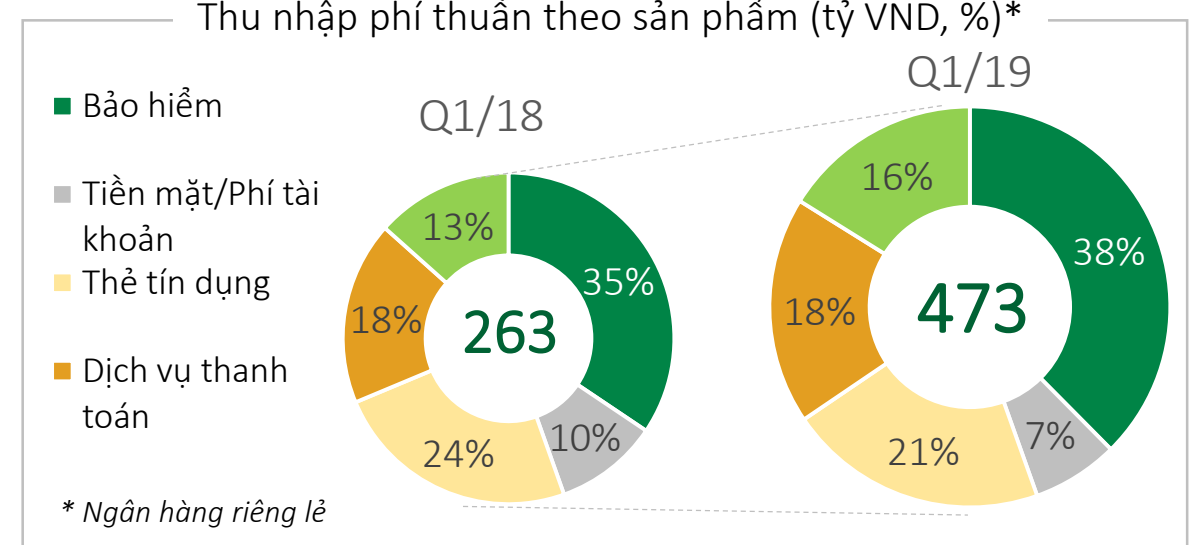
Đóng góp của Banca (*)



Cơ cấu thu nhập phí (%)

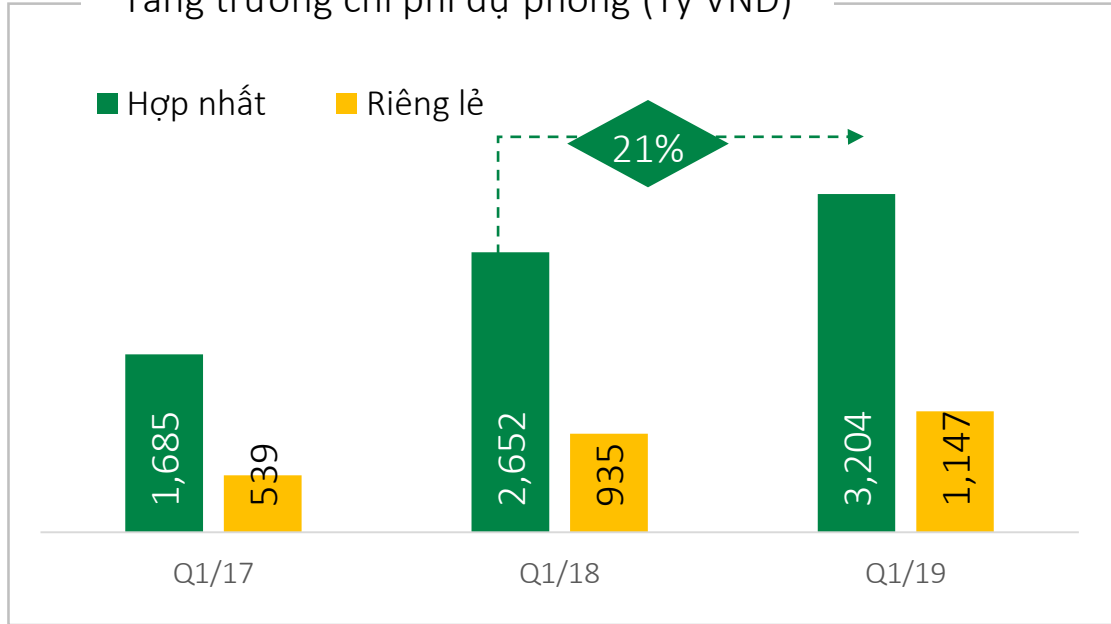


Thu nhập phí thuần theo sản phẩm (tỷ VND, %)*

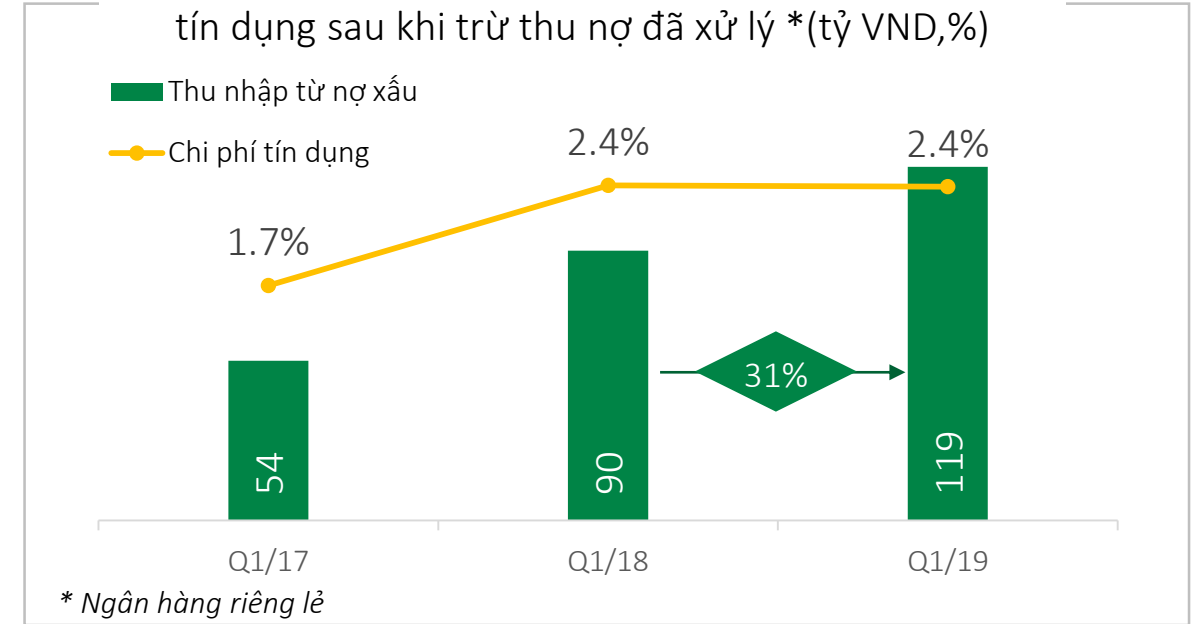


CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

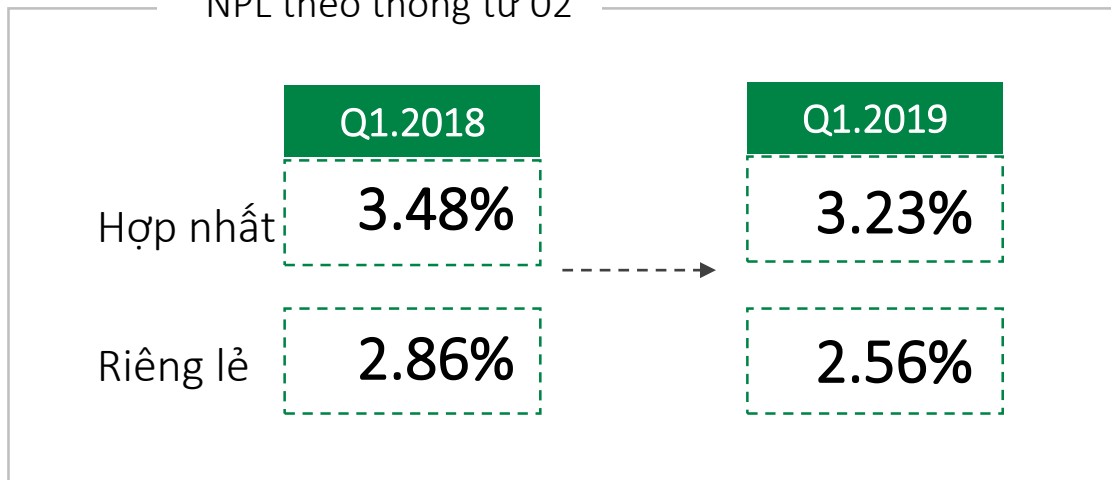
Tăng trưởng chi phí dự phòng (Tỷ VND)



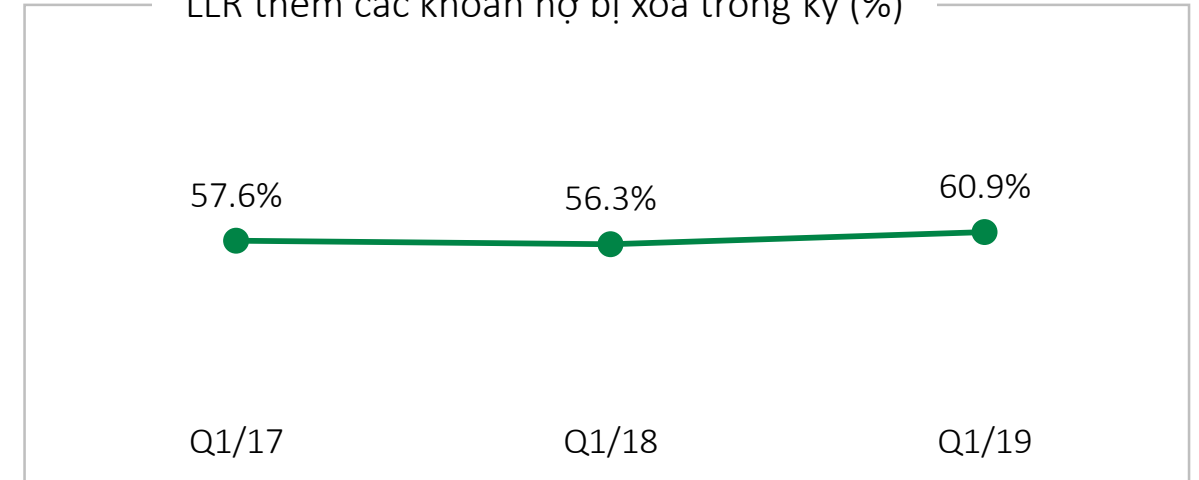
Thu nhập từ các khoản nợ xấu đã xử lý rủi ro & Chi phí tín dụng sau khi trừ thu nợ đã xử lý *(tỷ VND,%)



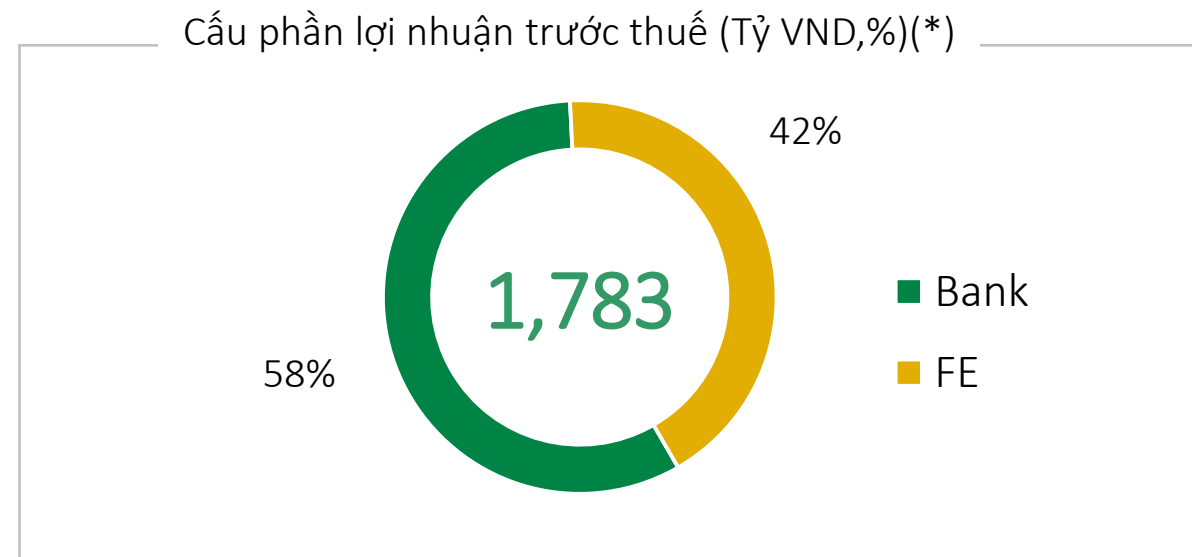
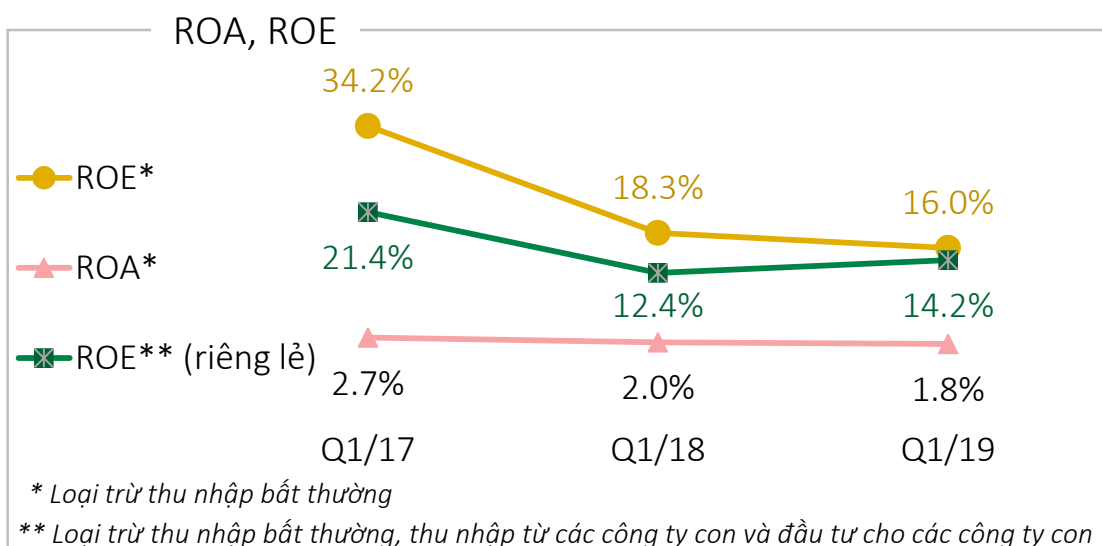
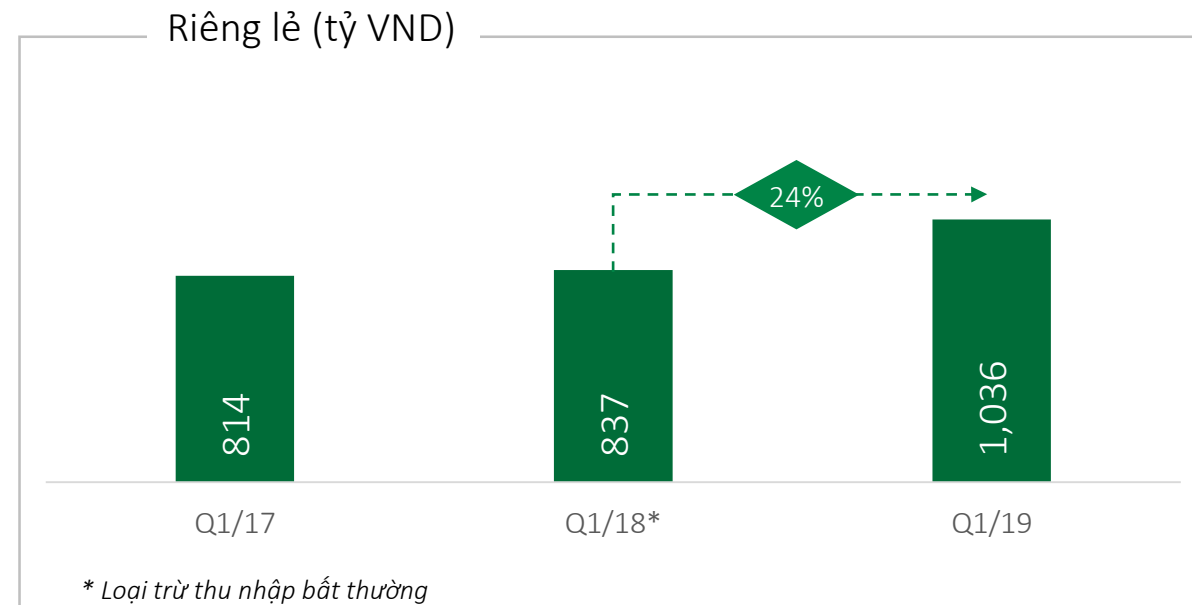
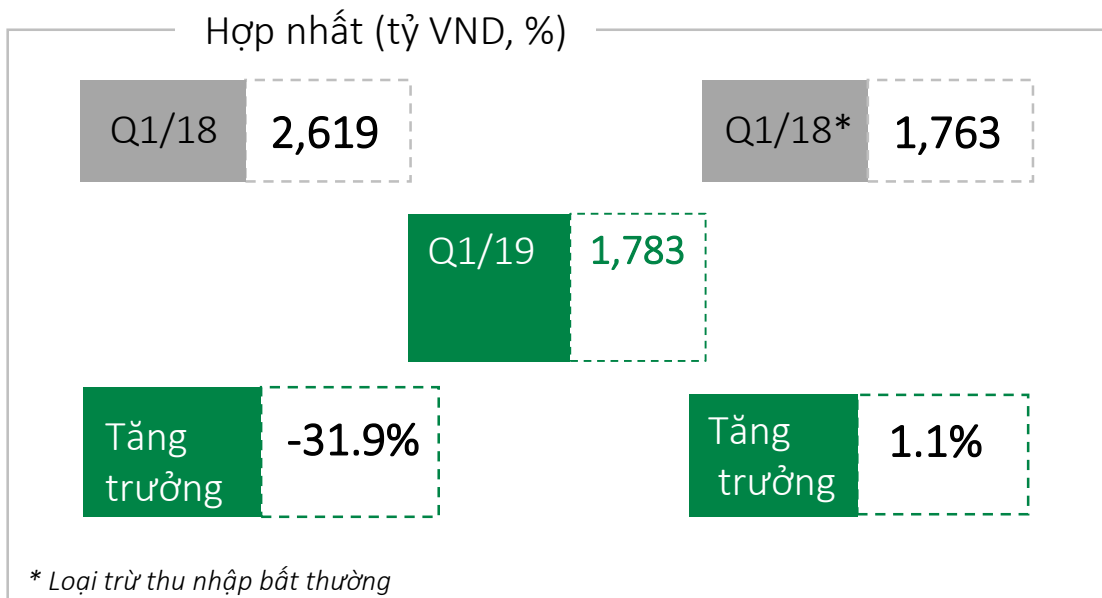
NPL theo thông tư 02



LLR thêm các khoản nợ bị xóa trong kỳ (%)



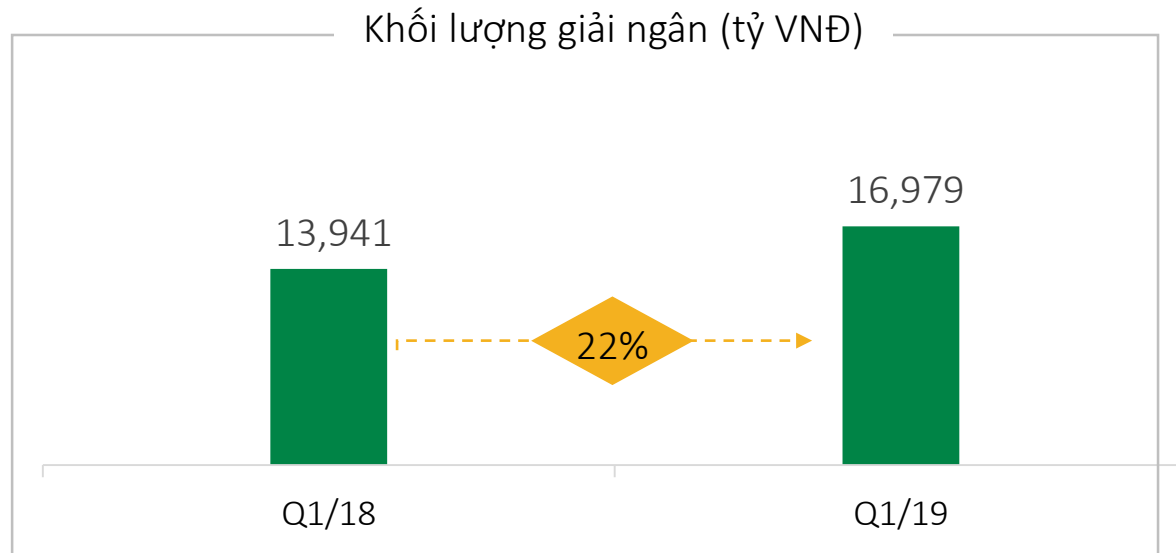
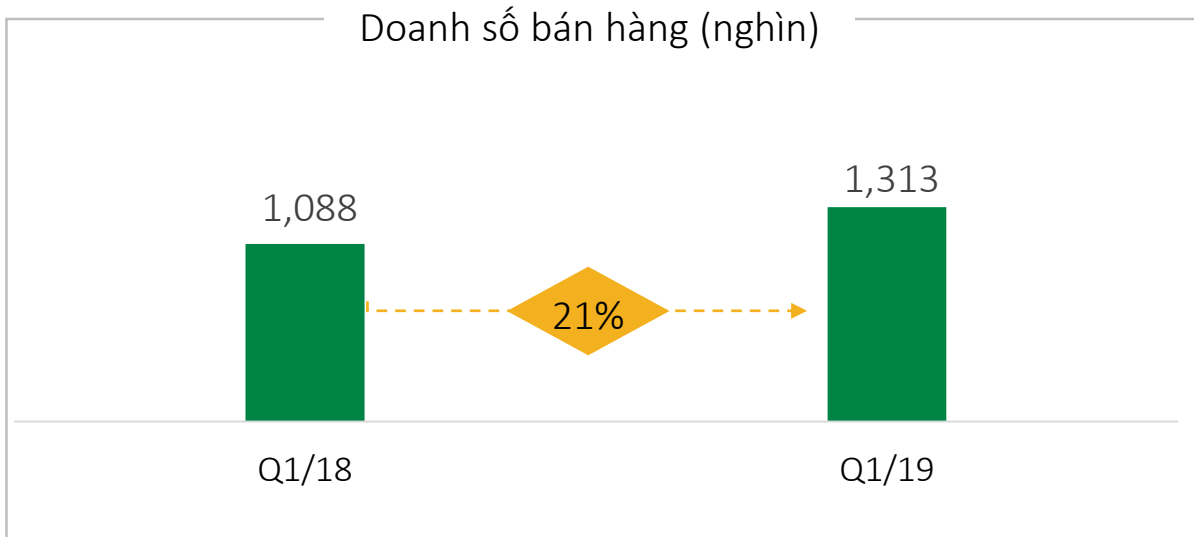
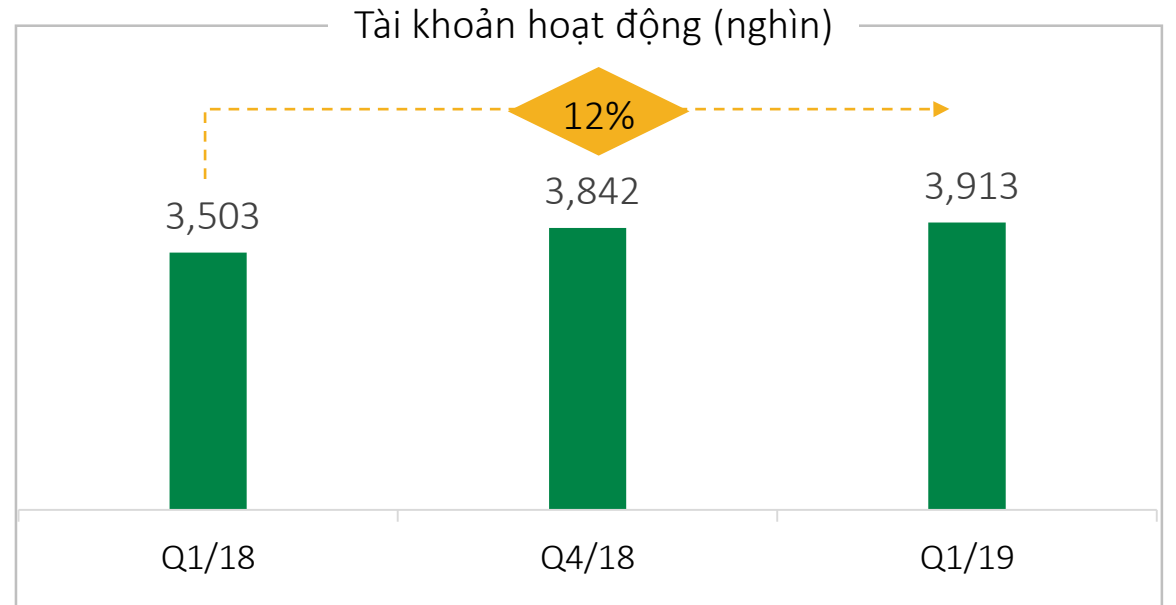
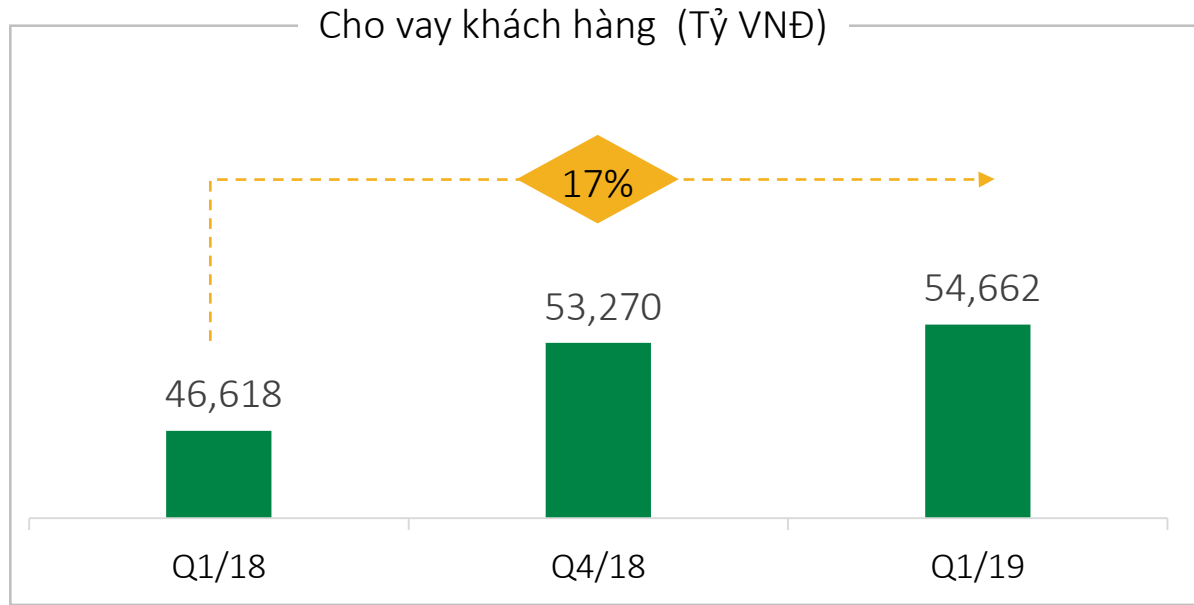
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (PBT)



04

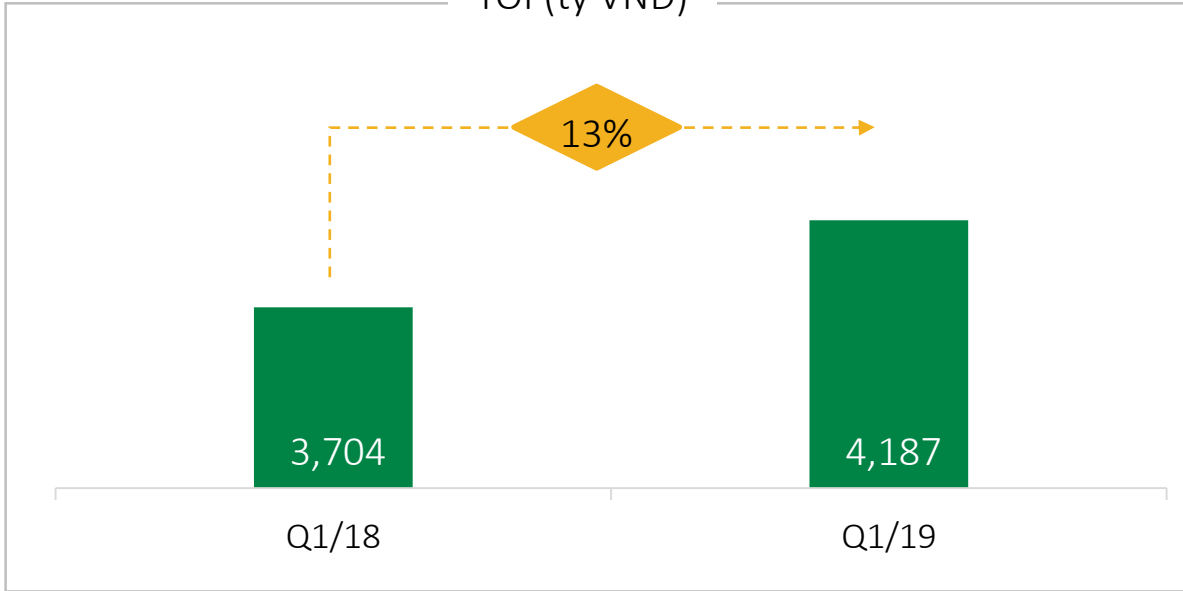
KẾT QUẢ KINH DOANH FE CREDIT Q1.2019

KẾT QUẢ KINH DOANH – FE CREDIT

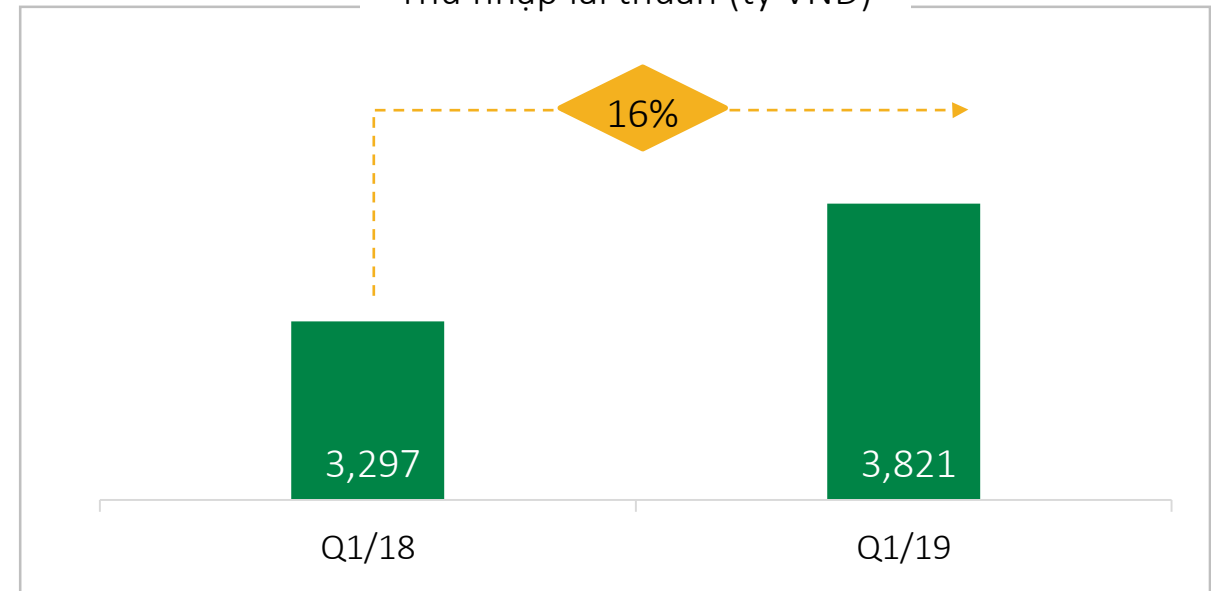


KẾT QUẢ TÀI CHÍNH – FE CREDIT

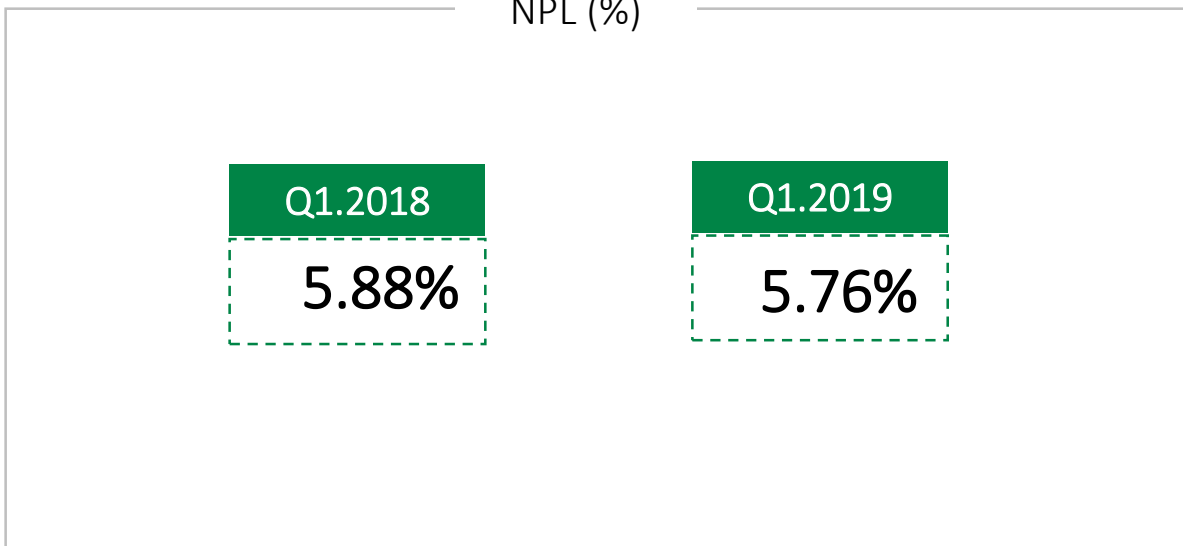
TOI (tỷ VNĐ)



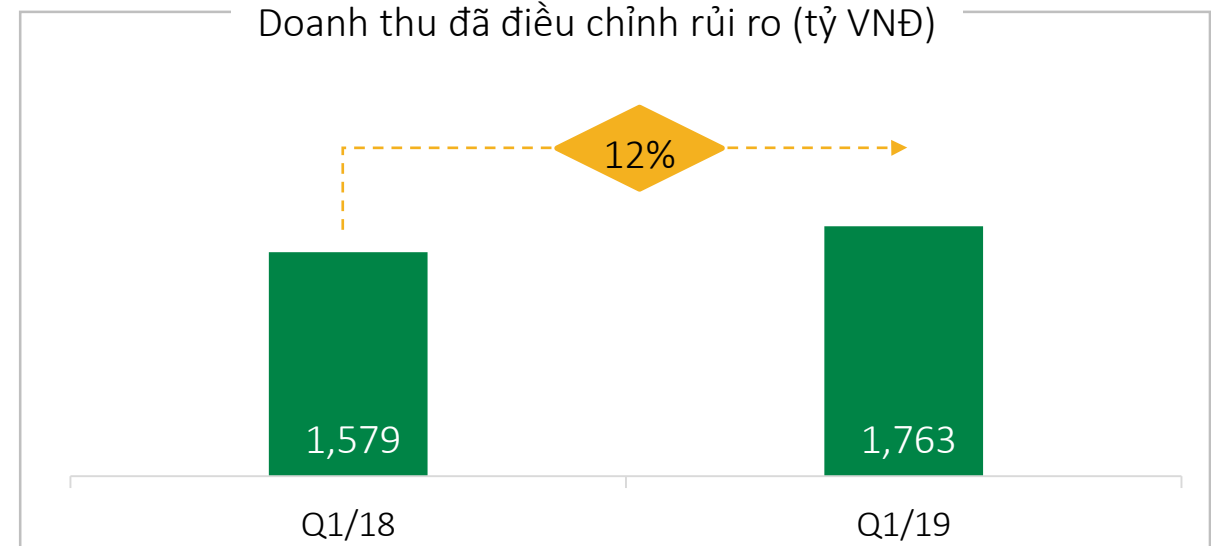
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)



NPL (%)



Doanh thu đã điều chỉnh rủi ro (tỷ VNĐ)





05
KẾ HOẠCH
2019

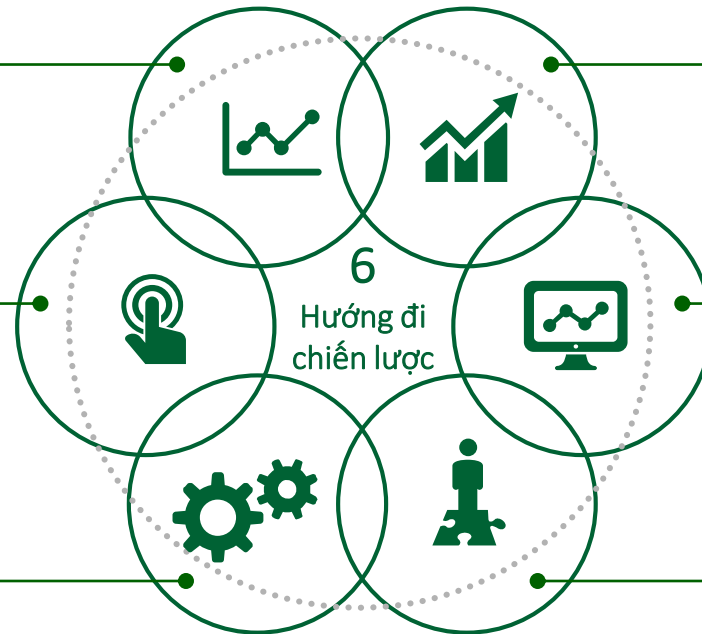
CHIẾN LƯỢC HƯỚNG TỚI KHÁT VỌNG 2022

VPBANK đã đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng hướng đến 2022

Thực hiện thay đổi vượt bậc trong năng suất bán và mạng lưới để thúc đẩy giá trị từ các mảng kinh doanh hiện tại bao gồm KHCN, SME, HNB và doanh nghiệp lớn

Thực hiện tái thiết kế và số hóa từ đầu đến cuối những hành trình dịch vụ ngân hàng cốt lõi để cải thiện trải nghiệm khách hàng một cách bền vững, cắt giảm chi phí với quy trình tinh gọn và hiệu quả

Đạt được kết quả xuất sắc trong quản trị rủi ro và IT để hỗ trợ tăng trưởng ngân hàng đồng thời đảm bảo chất lượng tín dụng thông qua đầu tư vào các công cụ quản trị rủi ro mới,



Triển khai các động cơ tăng trưởng mới (ngân hàng giao dịch, nền tảng di động, hệ sinh thái nhà ở) và mở rộng quan hệ đối tác chiến lược (như banca) để thúc đẩy VPBank tăng trưởng trong tương lai

Xây dựng dữ liệu và năng lực phân tích của thể hệ mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng phi tuyến tính và cải thiện việc ra quyết định

Tăng cường sức khỏe tổ chức để xây dựng một tổ chức định hướng thúc đẩy hiệu quả công việc, thu hút các nhân tài và định hình một văn hóa VPBank khuyến khích sự hợp tác giữa các bộ phận

KẾ HOẠCH 2019

Tổng tài sản

373,649

Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ

< 3%

Huy động khách hàng và Giấy tờ có giá

252,435

Lợi nhuận trước thuế

9,500

Cấp tín dụng

265,408

Đơn vị: Tỷ Đồng

	2018	2018 vs. 2017	2019 Target vs. 2018
Tổng tài sản	323,291	16%	16%
Cấp tín dụng	230,790	17%	15%
Huy động khách hàng và giấy tờ có giá	219,509	10%	15%
Lợi nhuận trước thuế	9,199	13%	3%
- nếu loại trừ thu nhập bất thường	8,343		14%

KẾ HOẠCH VỐN 2019

Đợt 1: ESOP

Phát hành 31 triệu cổ phiếu ưu đãi cho CBNV VPBank



- Dự kiến Quý 2/ 2019
- ĐHCĐ sẽ quyết định 1 trong 2 phương án bán cho CBNV như sau:
 - ✓ Sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ hiện có của VPBank
 - ✓ Phát hành cổ phiếu mới với giá ưu đãi, tăng vốn điều lệ thêm 310 tỷ

Đợt 2: Phát Hành Riêng Lẻ

Phát hành 260 triệu cổ phiếu cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài



- Tăng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên mức tối đa 30%
- Dự kiến thực hiện trong năm 2019 – 2020, tùy theo điều kiện thị trường và thủ tục pháp lý
- Tăng vốn điều lệ thêm 2,600 tỷ

ĐIỂM SÁNG ĐẦU TƯ

- TĂNG TRƯỞNG CHẤT LƯỢNG**
Các chỉ số Quy mô & Hiệu quả được đề ra ở mức cao hơn so với trung bình ngành
- SỐ HÓA**
Tiên phong trong lĩnh vực ngân hàng số
- QUẢN LÝ CHI PHÍ HIỆU QUẢ**
Kiểm soát chặt trong quản lý chi phí, dẫn đầu thị trường về hiệu quả
- PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG**
Cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng tại Việt Nam
- TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN**
Tăng trưởng mạnh mẽ, top 4 LNTT của ngành ngân hàng trong 3 năm liên tiếp
- QUẢN TRỊ RỦI RO**
Nền tảng quản trị rủi ro tiên tiến được áp dụng trên toàn bộ hệ thống
- QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG**
Ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm cùng với mô hình quản trị tiên tiến

BẢNG CHÚ GIẢI

AMC	Công ty Quản lý Tài sản
ANR	Số thu bình quân
CAR	Chỉ số an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
CCR	Thẻ tín dụng
CIC	Trung tâm Thông tin Tín dụng
CIR	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động
ENR	Số dư cuối kỳ
HHB	Ngân hàng cho Hộ gia đình
LLR	Tỷ lệ trích lập dự Phòng rủi ro/ Nợ xấu
NCL	Số thu hồi bị mất ròng

NIM	Lãi ròng
NPL	Tỷ lệ nợ xấu
PL NTB	Khoản vay cá nhân mới
OPEX	Chi phí hoạt động
ROE	Lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu bình quân
ROA	Lợi nhuận / Tổng tài sản bình quân
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TOI	Tổng thu nhập hoạt động
UPL	Khoản vay tín chấp cá nhân
XS/TU	Bán chéo/Top-up

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Tài liệu này là thông tin cơ bản về các hoạt động của VPBank và được đưa ra dưới dạng tóm tắt. Tài liệu không nhằm mục đích đưa ra tư vấn cho các nhà đầu tư, và không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Những thông tin này cần được xem xét khi quyết định đầu tư.

Để thêm thông tin tham khảo, truy cập: www.vpbank.com.vn hoặc liên hệ

IR team

SĐT: +8424 3928 8869 (ext. 54111)

Fax: +8424 928 8867

Email: ir@vpbank.com.vn